

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Liên

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DANH THU CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Liên
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Ninh Thị Thùy Trang**

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Liên

Mã SV: 1213401224

Lớp: QTL604K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh
doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Sông Dầu

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Sông Dầu

Thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Sông Dầu

Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Sông Dầu

- Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2013
2. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần thương mại Sông Dầu

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ninh Thị Thùy Trang

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Sông Dầu.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số: Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày tháng 06 năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Khái niệm kết quả hoạt động kinh doanh.....	2
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	2
1.1.3. Ý nghĩa của kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	2
1.1.4. Phân loại kết quả hoạt động kinh doanh.....	2
1.1.4.1. Xác định kết quả kinh doanh từ hoạt động sản xuất kinh doanh.....	3
1.1.4.2. Xác định kết quả kinh doanh từ hoạt động khác.....	3
1.2. Lý luận chung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	4
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	4
1.2.1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu	4
1.2.1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu	7
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	8
1.2.2.1. Một số vấn đề chung về kế toán giá vốn hàng bán	8
1.2.2.2. Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	10
1.2.2.3. Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	12
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng.....	14
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	16
1.2.5. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	19
1.2.6. Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác	22
1.2.6.1. Kế toán thu nhập khác.....	22
1.2.6.2. Kế toán chi phí khác.....	25
1.2.7. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	1

1.2.7. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	27
1.2.7.1. Kế toán chi phí thuế TNDN	27
1.2.7.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	29
1.2.7.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	30
1.2.7.3. Kế toán lợi nhuận chưa phân phối	32
1.3. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	35
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	35
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	36
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	36
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	37
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	38
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU	40
2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần Sông Dầu	40
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	40
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	41
2.1.2.1. Nhiệm vụ sản xuất của công ty	41
2.1.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất.....	41
2.1.3. Thuận lợi, khó khăn và phương hướng phát triển của Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu.....	42
2.1.3.1. Thuận lợi	42
2.1.3.2. Khó khăn	43
2.1.3.3. Phương hướng phát triển của công ty	43
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty	44
2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	44
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán kế toán của Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu	45
2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty	45
2.1.5.2. Chính sách, chế độ kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu	46
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu	48

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu	50
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty.....	57
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu.....	57
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu.....	67
2.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty.....	67
2.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu	75
2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu.....	83
2.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu	90
2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu	90
CHƯƠNG III: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU	96
3.1. Đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu	96
3.1.1. Ưu điểm.....	96
3.1.2. Nhược điểm.....	97
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu	98
3.2.1. Hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty	98
3.2.2. Áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại tại công ty	100
3.2.3. Về việc lập Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền	102
KẾT LUẬN	105

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu	8
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	11
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	13
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí bán hàng	15
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	18
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.	21
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác	24
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác	26
Sơ đồ 1.10.a. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành	29
Sơ đồ 1.10.b: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại.....	29
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh	31
Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán kế toán lợi nhuận chưa phân phối.....	33
Sơ đồ 1.13. Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	35
Sơ đồ 1.14. Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	36
Sơ đồ 1.15. Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	37
Sơ đồ 1.16. Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	38
Sơ đồ 1.17. Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	39
Sơ đồ 2.1. Quy trình tạo ra sản phẩm.....	42
Sơ đồ 2.3. Mô hình cơ cấu tổ chức của công ty.....	44
Sơ đồ 2.4. Bộ máy kế toán Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu	45
Sơ đồ 2.5. Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức kế toán Nhật ký chung tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu	47
Sơ đồ 2.6. Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng	50
Sơ đồ 2.7. Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán	58
tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu	58

Sơ đồ 2.8. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí bán hàng tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu	68
Sơ đồ 2.8. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu.....	76
Sơ đồ 2.9. Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu	84
Sơ đồ 3.1. Sơ đồ hạch toán kế toán chiết khấu thương mại.....	101

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT	52
Biểu số 2.2. Hóa đơn GTGT	53
Biểu số 2.3. Phiếu báo có	54
Biểu số 2.4. Trích Sổ Nhật ký chung	55
Biểu số 2.5. Trích Sổ cái TK 511	56
Biểu số 2.6. Phiếu xuất kho.....	60
Biểu số 2.7. Phiếu xuất kho.....	61
Biểu số 2.8. Trích Sổ Nhật ký chung	62
Biểu số 2.9. Trích Sổ chi tiết sản phẩm	63
Biểu số 2.10. Trích Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn.....	64
Biểu số 2.11. Trích Sổ cái TK 632.....	65
Biểu số 2.12. Trích Sổ cái TK 155.....	66
Biểu số 2.13. Hóa đơn GTGT	70
Biểu số 2.14. Phiếu chi.....	71
Biểu số 2.15. Trích Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12/2013.....	72
Biểu số 2.16. Trích Sổ Nhật ký chung	73
Biểu số 2.17. Trích Sổ cái TK 641	74
Biểu số 2.18. Hóa đơn GTGT	78
Biểu số 2.19. Phiếu chi.....	79
Biểu số 2.20. Trích Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12/2013.....	80
Biểu số 2.21. Trích Sổ Nhật ký chung	81
Biểu số 2.22. Trích Sổ cái TK 642.....	82
Biểu số 2.23. Giấy báo nợ	85
Biểu số 2.24. Phiếu báo có	86
Biểu số 2.25. Trích Sổ Nhật ký chung	87
Biểu số 2.26. Trích Sổ cái TK 635	88
Biểu số 2.27. Trích Sổ cái TK 515.....	89
Biểu số 2.28. Phiếu kế toán.....	92
Biểu số 2.29. Phiếu kế toán.....	93
Biểu số 2.30. Trích Sổ cái TK 911	94
Biểu số 2.62. Báo cáo KQHĐKD	95
Biểu số 3.1. Sổ nhật ký bán hàng	103
Biểu số 3.2. Sổ nhật ký thu tiền	104

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế càng ngày càng phát triển đã mở ra vô vàn cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại lâu dài và vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin; đặc biệt là các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính... Các thông tin này được kế toán trong công ty tập hợp, phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng nhất là khi thực tế các hoạt động kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài "**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu**".

Ngoài lời mở đầu và kết luận, bài khóa luận gồm 3 phần chính:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu.

Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu.

Qua đây em cũng xin gửi lời cảm ơn đến các thầy cô giáo khoa kế toán kiểm toán Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đặc biệt là GV - THs. đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này. Em cũng xin cảm ơn ban lãnh đạo và cán bộ phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập tại công ty.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Khái niệm kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác trong một kỳ kế toán, là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã xảy ra trong doanh nghiệp.

Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp lỗ.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh là phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và hoạch toán theo đúng cơ chế của Bộ tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được tính toán chính xác, hợp lý, kịp thời và hoạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, dịch vụ trong từng hoạt động thương mại dịch vụ và các hoạt động khác. Kế toán phải theo dõi, giám sát và phản ánh tất cả các khoản doanh thu, chi phí của các hoạt động trong kỳ kế toán.

1.1.3. Ý nghĩa của kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh là điều kiện cần thiết để đánh giá kết quả sản xuất của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định, là cơ sở đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và ảnh hưởng đến sự sống còn của doanh nghiệp.

Ngoài ra, kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh còn giúp cho doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó doanh nghiệp sẽ lựa chọn những phương án kinh doanh, phương án đầu tư hiệu quả nhất

1.1.4. Phân loại kết quả hoạt động kinh doanh

Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được chia làm hai loại như sau:

1.1.4.1. Xác định kết quả kinh doanh từ hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh từ hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của toàn bộ sản phẩm, hàng hoá dịch vụ đã được xác định tiêu thụ trong kỳ và các khoản thuế phải nộp theo quy định của nhà nước.

Kết quả hoạt động kinh doanh	=	doanh thu thuần	-	giá vốn hàng bán	-	chi phí bán hàng	-	chi phí quản lý doanh nghiệp
---	----------	--------------------------------	----------	---------------------------------	----------	---------------------------------	----------	---

Trong đó:

Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Các khoản giảm trừ (chiết khấu, giảm giá, hàng bán trả lại, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp).

1.1.4.2. Xác định kết quả kinh doanh từ hoạt động khác

✓ Xác định kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính

Kết quả kinh doanh từ hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động đầu tư tài chính như: thu nhập về đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ... và chi phí hoạt động đầu tư tài chính như: chi phí đi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết ... thực tế phát sinh trong kỳ.

Kết quả hoạt động kinh doanh HĐTC	=	doanh thu hoạt động tài chính	-	chi phí hoạt động tài chính
--	----------	--	----------	--

✓ Xác định kết quả kinh doanh từ hoạt động khác

Hoạt động khác là hoạt động diễn ra không thường xuyên, không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện.

Kết quả kinh doanh từ hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác như: thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ, thu bồi thường do vi phạm hợp đồng, thu thanh lý tài sản cố định, ... và chi phí khác như: chi phí thanh lý tài sản cố định, chi bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế. . . phát sinh trong kỳ.

Kết quả kinh doanh khác	=	thu nhập khác	-	chi phí khác
--------------------------------	----------	----------------------	----------	---------------------

1.2. Lý luận chung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

❖ **Khái niệm**

- **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền đã thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- **Doanh thu bán hàng nội bộ** là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- Các khoản giảm trừ doanh thu trong Doanh nghiệp bao gồm:

+ **Chiết khấu thương mại (CKTM):** là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng).

+ **Giảm giá hàng bán (GGHB):** là số tiền người bán giảm trừ cho người mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách, kích cỡ.

+ **Hàng bán bị trả lại (HBBTL):** là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

+ **Thuế giá trị gia tăng phải nộp (theo phương pháp trực tiếp):** thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

+ **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất (\%)}$$

+ Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hóa mà hàng hóa đó phải chịu thuế xuất khẩu.

Thuế XK phải nộp = giá tính thuế XK x Thuế suất (%)

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau đây:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Nguyên tắc hạch toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư; cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

- Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

❖ Các phương thức bán hàng

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- Phương thức bán hàng qua đại lý: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số

tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- Phương thức hàng đổi hàng: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp, ...

1.2.1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).

- Phiếu xuất kho;
- Phiếu thu, Giấy báo có của Ngân hàng gửi đến;
- Và các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

✓ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”. Tài khoản 511 có các tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK 5118 - Doanh thu khác.

✓ TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”. Tài khoản này có các tài khoản cấp 2 như sau:

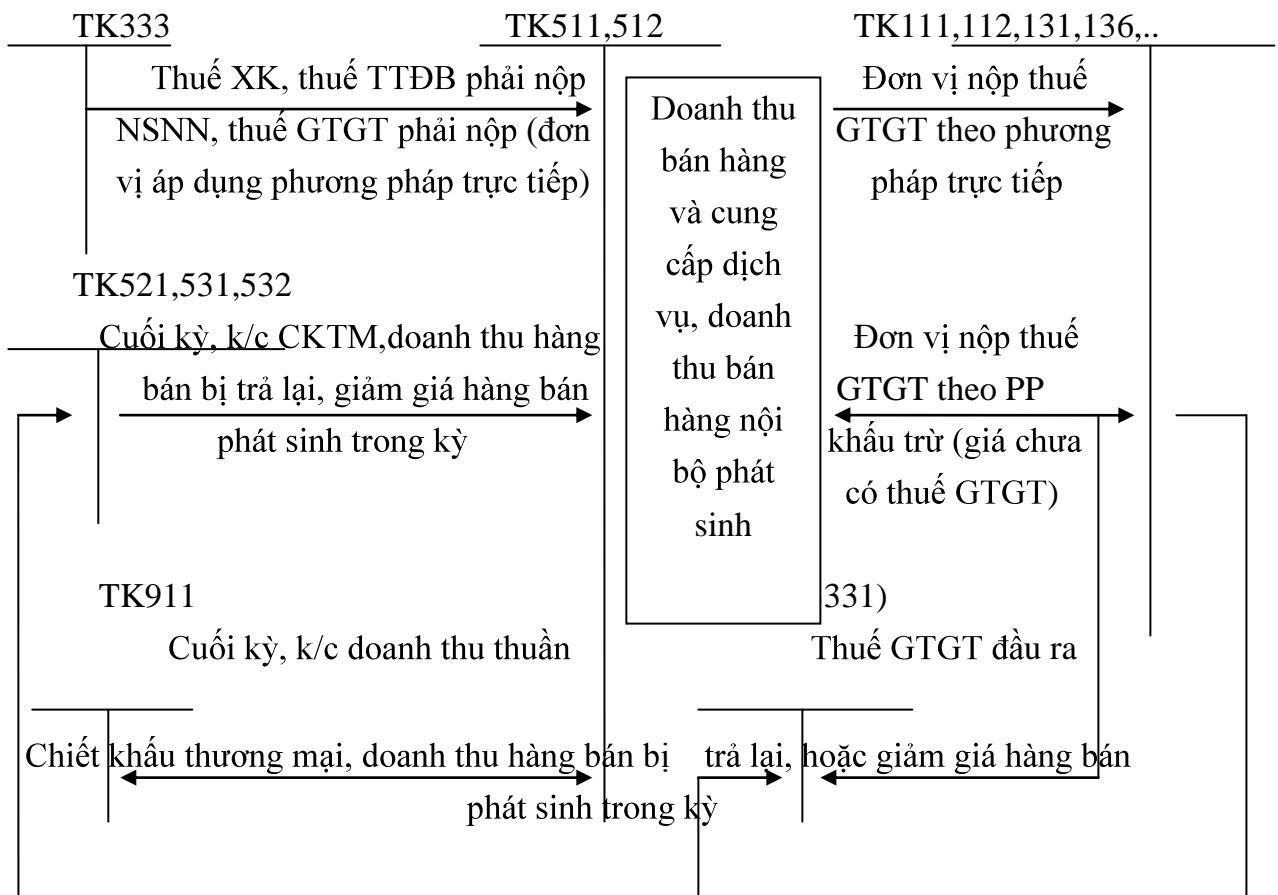
- TK 5121 - Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- ✓ Tài khoản dùng để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:
 - TK 521 “Chiết khấu thương mại”

- TK 531 “Hàng bán bị trả lại”
- TK 532 “Giảm giá hàng bán”
- TK 3331 “Thuế GTGT theo PP trực tiếp”
- TK 3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt”
- TK 3333 “Thuế xuất, nhập khẩu”

❖ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Một số vấn đề chung về kế toán giá vốn hàng bán

❖ Khái niệm

Giá vốn hàng bán là giá vốn thực tế xuất kho của hàng hóa gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ (đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối

với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Các phương pháp tính giá vốn hàng bán

Căn cứ vào chuẩn mực kế toán số 02 – “Hàng tồn kho”, có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho là:

- Phương pháp giá thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước xuất trước
- Phương pháp nhập sau xuất trước

✓ *Phương pháp bình quân gia quyền*

Theo phương pháp này, trị giá của hàng xuất kho bằng số lượng vật liệu xuất nhân với đơn giá bình quân. Đơn giá bình quân có thể xác định theo một trong hai phương pháp:

- *Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:*

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{S.lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{S.lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Đơn giá bình quân cả kỳ} \times \text{Số lượng hàng xuất kho}$$

- *Phương pháp bình quân liên hoàn (bình quân sau mỗi lần nhập):*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn trước lần nhập } n + \text{Trị giá hàng nhập lần } n}{\text{S.lượng hàng tồn trước lần nhập } n + \text{S.lượng hàng nhập lần } n}$$

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Đơn giá BQ sau lần nhập } n \times \text{Số lượng hàng xuất kho}$$

✓ *Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước xuất trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

✓ *Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)*

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

✓ *Phương pháp thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

1.2.2.2. Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho, Hóa đơn GTGT
- Báo cáo bán hàng.
- Và các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

Kết cấu tài khoản 632 như sau:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công, chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm gây ra;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT; Số khấu hao BĐSĐT trích trong kỳ;
- Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động, bán, thanh lý BĐSĐT trong kỳ; Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ.

Bên Có:

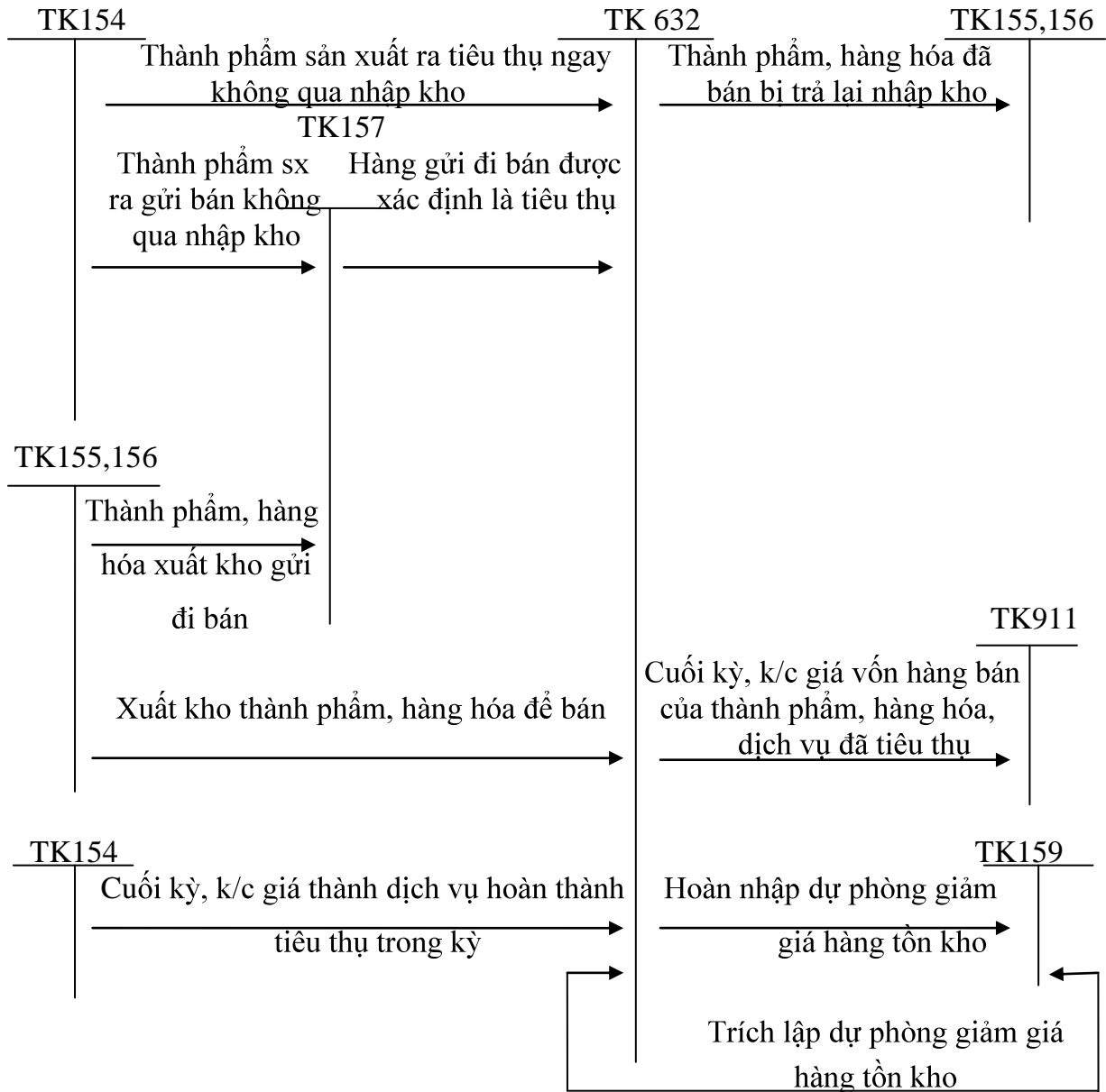
- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
- Trị giá bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được khái quát qua sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.2.3. Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, việc hạch toán các nghiệp vụ về thành phẩm và tiêu thụ chỉ khác phương pháp kê khai thường xuyên trong việc xác định giá thành sản xuất thực tế (giá vốn) của sản phẩm, dịch vụ hoàn thành được nhập kho, xuất kho hay đã tiêu thụ trong kỳ. Còn việc hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu giống phương pháp kê khai thường xuyên.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho, dịch vụ đã hoàn thành.

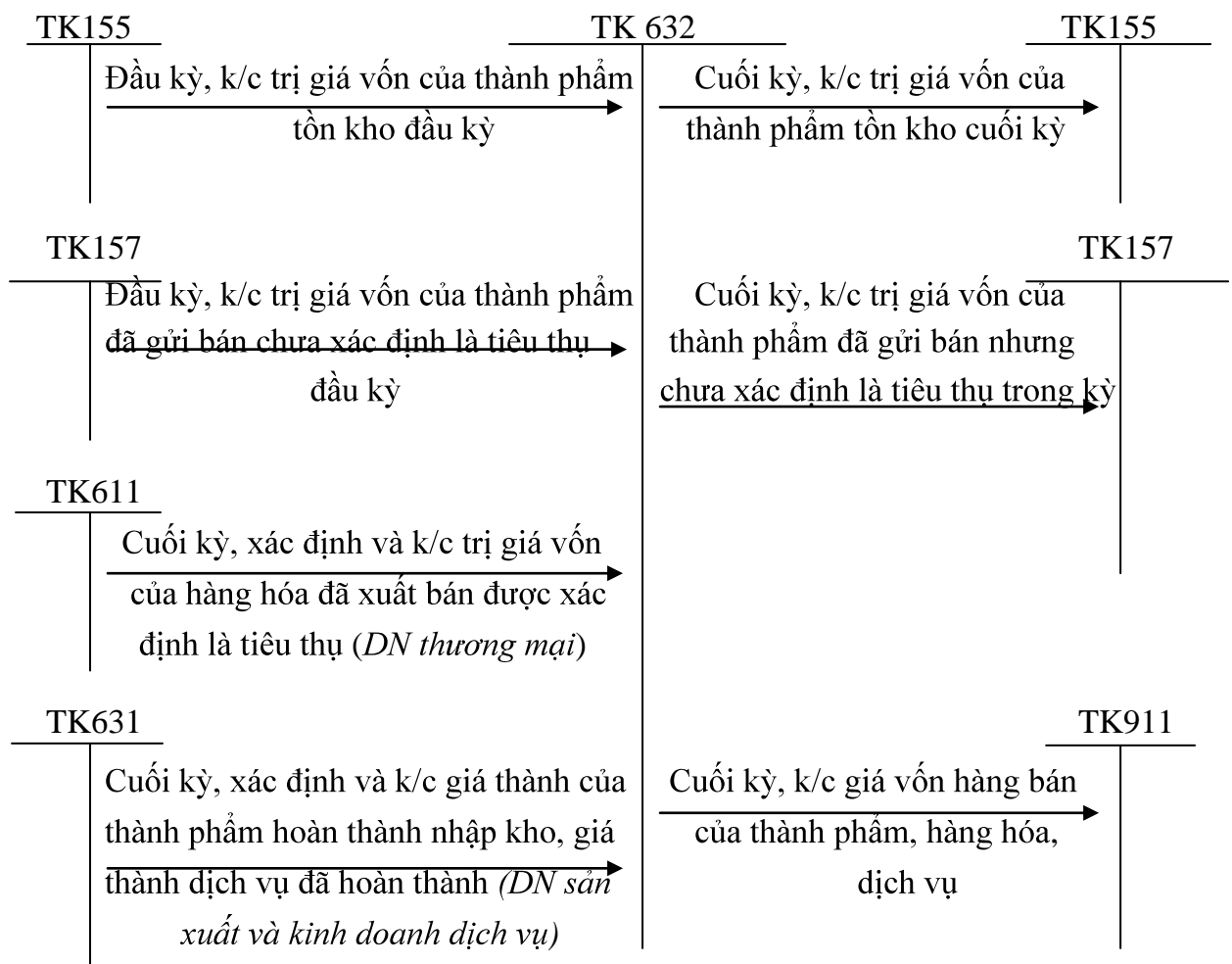
Bên Có:

- K/c giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ TK 911;
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ;
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

❖ Khái niệm

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Theo quy định của chế độ hiện hành, chi phí bán hàng bao gồm các chi phí chủ yếu sau đây:

- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí vật liệu, bao bì
- Chi phí dụng cụ đồ dùng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí bảo hành sản phẩm
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo nợ của Ngân hàng gửi đến
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Và các chứng từ gốc khác có liên quan.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

TK 641 - “Chi phí bán hàng”.

Tài khoản 641 có kết cấu như sau:

Bên Nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

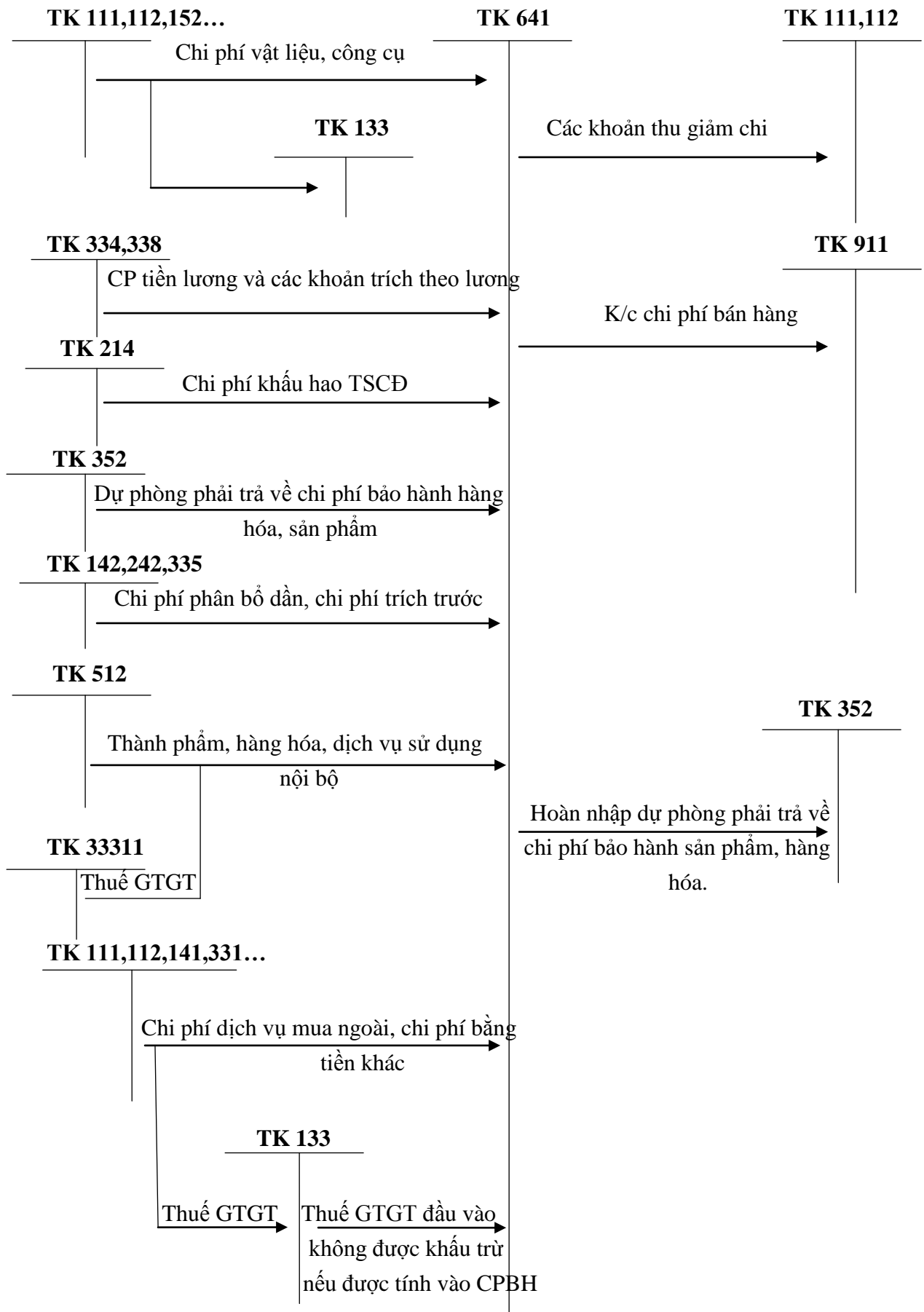
Bên Có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kế toán chi phí bán hàng được khái quát qua sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí bán hàng



1.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Khái niệm**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp.

Theo quy định của chế độ hiện hành, chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí chủ yếu sau đây:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ... dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: khấu hao của những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp: văn phòng làm việc, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn...

- Thuế, phí và lệ phí: các khoản thuế như thuế nhà đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà...

- Chi phí dự phòng: khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi về dịch vụ mua ngoài phục vụ chung toàn doanh nghiệp như: tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ; tiền mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng phát minh sáng chế phân bổ dần; chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác.

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT

- Phiếu chi, Giấy báo nợ của Ngân hàng gửi đến

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

- Và các chứng từ gốc khác có liên quan.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

TK 642 - “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

Tài khoản 642 có các tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 6421 “Chi phí nhân viên quản lý”
- TK 6422 “Chi phí vật liệu quản lý”
- TK 6423 “Chi phí đồ dùng văn phòng”
- TK 6424 “Chi phí khấu hao TSCĐ”
- TK 6425 “Thuế, phí và lệ phí”
- TK 6426 “Chi phí dự phòng”
- TK 6427 “Chi phí dịch vụ mua ngoài”
- TK 6428 “Chi phí bằng tiền khác”

Tài khoản 642 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả;
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Bên Có:

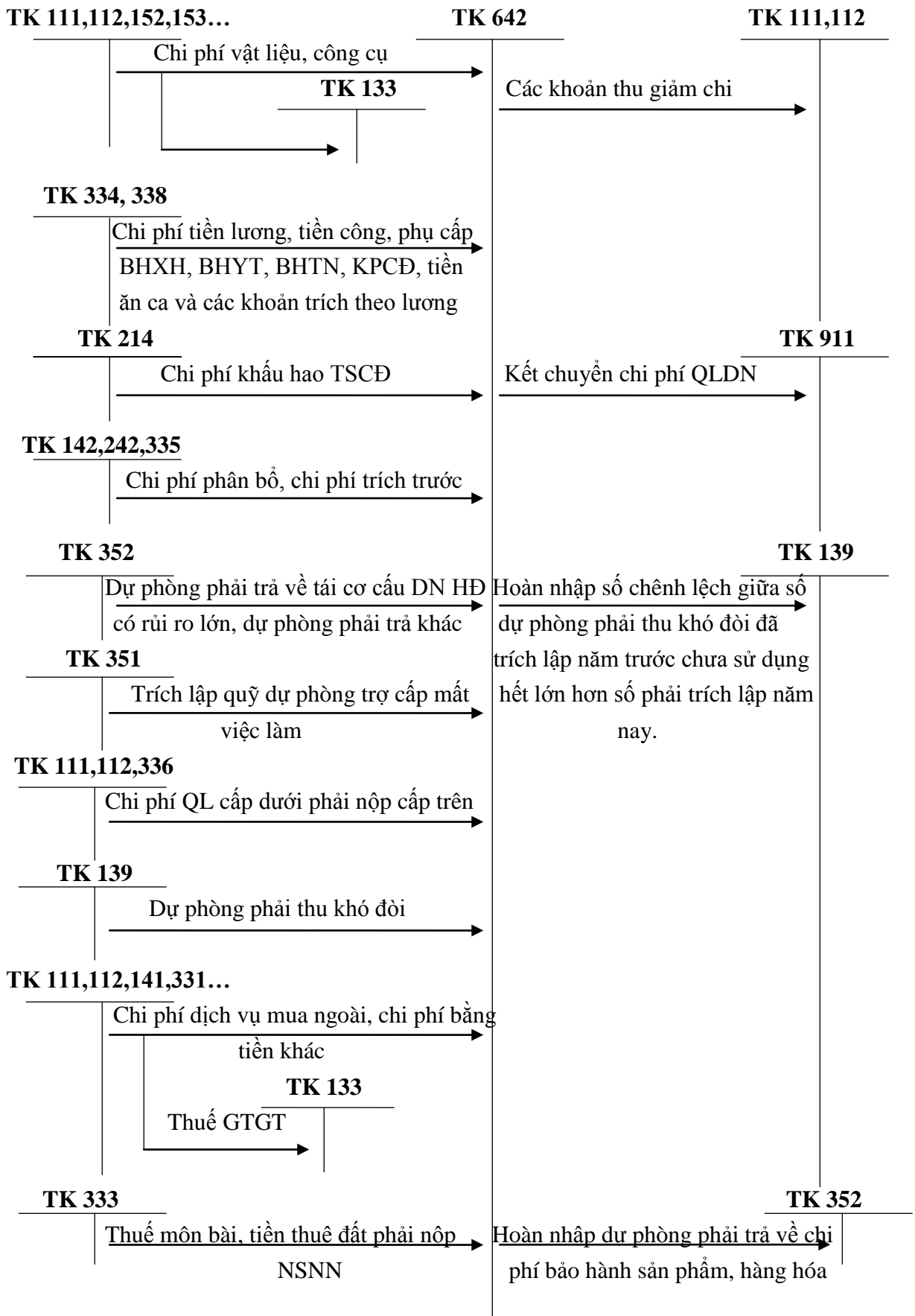
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.5. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

❖ Khái niệm

Doanh thu hoạt động tài chính là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện là: có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi, hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Chênh lệch lãi các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Chi phí hoạt động tài chính: là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái,...

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo có,...
- Bảng kê tiền vay và trả nợ vay.
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

- ✓ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản 511 như sau:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911.

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
 - Chiết khấu thanh toán được hưởng; lãi tỷ giá hối đoái;
 - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
 - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

✓ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

Kết cấu tài khoản 632 như sau:

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ; chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

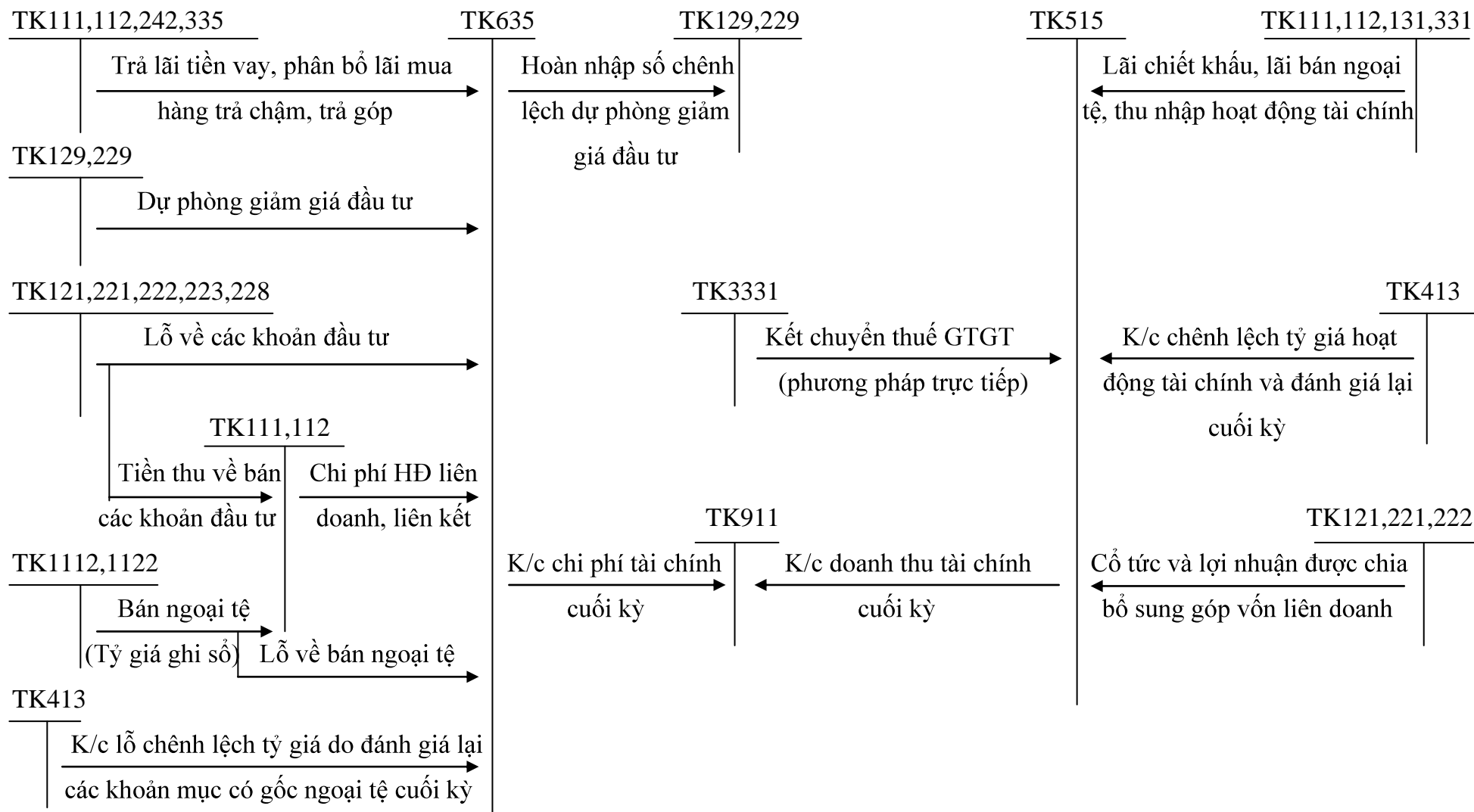
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.6. Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

1.2.6.1. Kế toán thu nhập khác

Theo chuẩn mực kế toán số 14, Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Nội dung của thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
 - Chênh lệch lãi do đánh giá vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
 - Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
 - Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
 - Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
 - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
 - Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
 - Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
 - Thu nhập quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
 - Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.
 - ❖ Chứng từ kế toán sử dụng
 - Biên bản đánh giá lại tài sản
 - Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
 - Phiếu thu
 - Giấy báo có
 - Hoá đơn GTGT
 - Biên bản vi phạm hợp đồng
 - Các chứng từ khác có liên quan.
 - ❖ Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Kết cấu tài khoản 711 như sau:

Bên Nợ

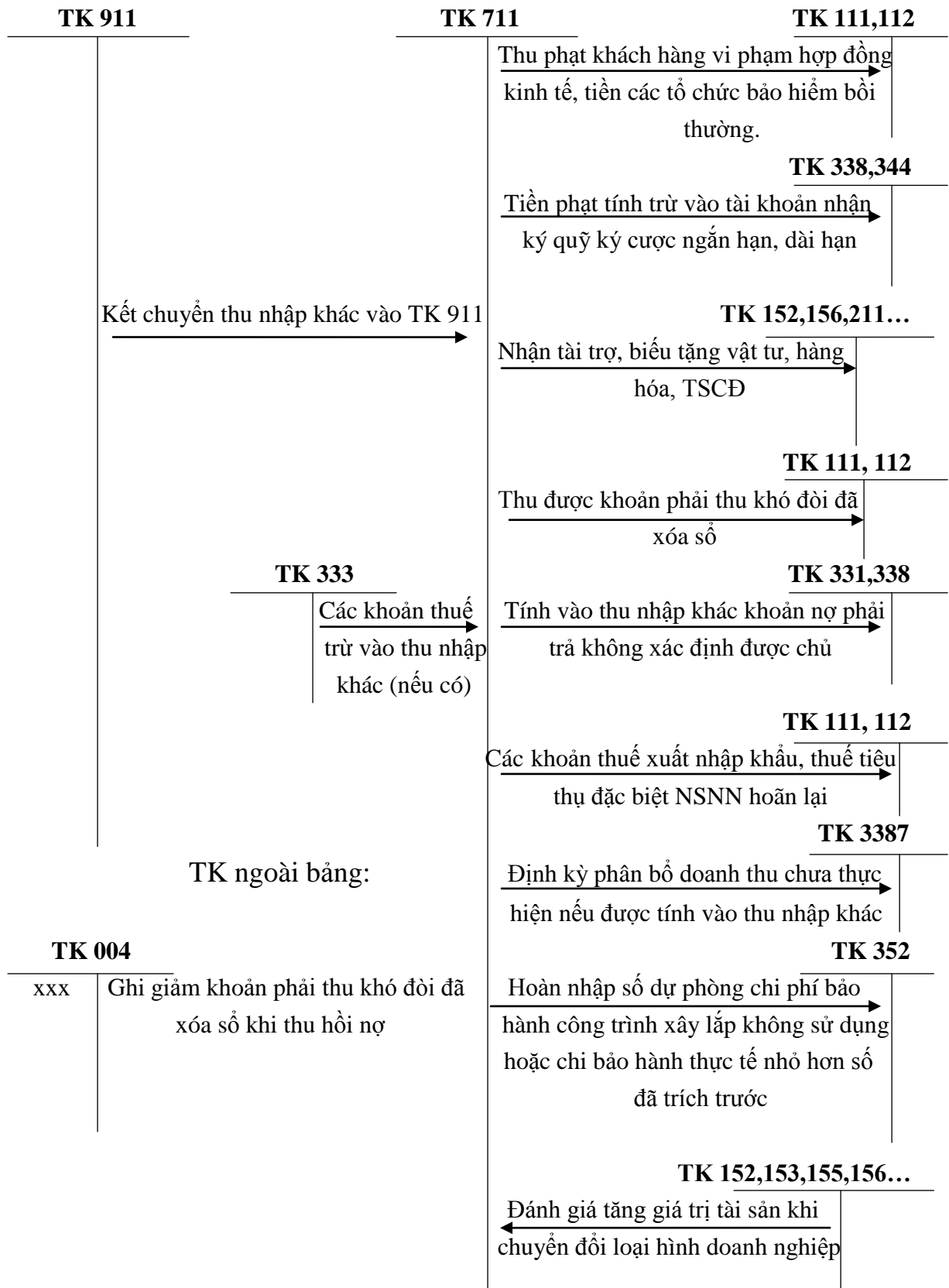
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán kế toán thu nhập khác



1.2.6.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Nội dung của chi phí khác bao gồm:

✓ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).

✓ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

✓ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

✓ Bị phạt thuế, truy thu thuế.

✓ Các khoản chi phí khác.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Biên bản đánh giá lại tài sản

- Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ

- Phiếu chi, Giấy báo nợ

- Hoá đơn GTGT

- Biên bản vi phạm hợp đồng

- Biên lai nộp thuế, nộp phạt

- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Kết cấu tài khoản 811 như sau:

Bên Nợ

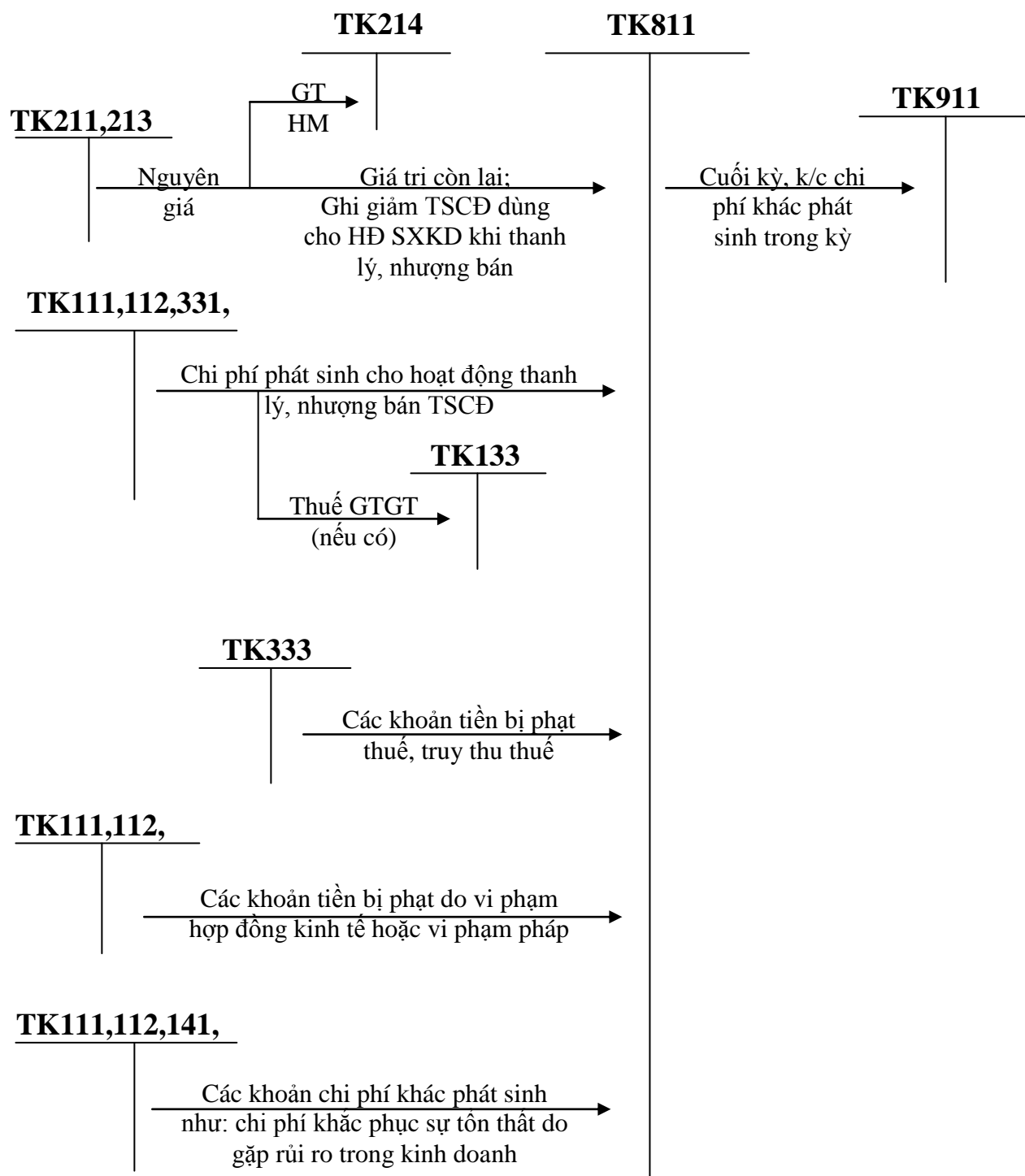
- Phản ánh các khoản chi phí thực tế phát sinh.

Bên Có

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí khác



1.2.7. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.7.1. Kế toán chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ sau khi đã trừ đi các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành: là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại: là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Phương pháp tính thuế TNDN

$\text{Thuế TNDN hiện hành} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{Thuế suất thuế TNDN}$

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Tờ khai thuế TNDN tạm nộp, biên lai nộp thuế
- Báo cáo quyết toán thuế TNDN hàng năm
- Các chứng từ kế toán có liên quan.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

Kế toán sử dụng TK 821 – chi phí thuế TNDN

Tài khoản 821 có 2 tài khoản cấp 2:

- + TK 8211 - Chi phí thuế TNDN hiện hành
- + TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Kết cấu TK 821 như sau:

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none">- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.- Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại.- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả.- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại.- Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào TK 911 để xác định KQKD. | <ul style="list-style-type: none">- Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập tạm nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại.- Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. |
|--|---|

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

1.2.7.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

- ❖ Chứng từ kế toán sử dụng
 - Phiếu kế toán
 - Các chứng từ kế toán có liên quan.
- ❖ Tài khoản kế toán sử dụng

Kế toán sử dụng TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu TK 911 như sau:

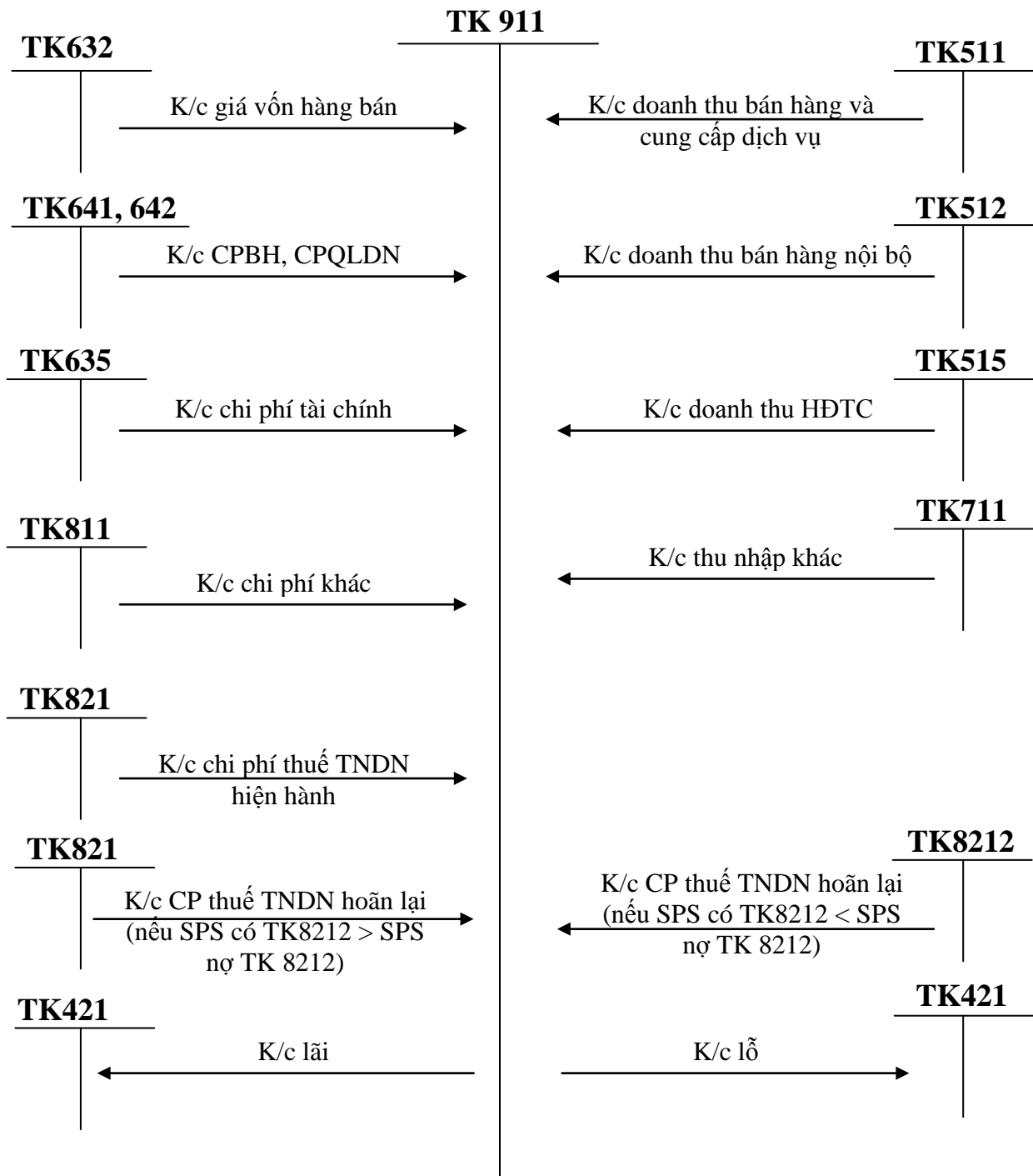
TK 911	
<ul style="list-style-type: none">- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.- Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp- Chi phí tài chính và các khoản chi phí hoạt động khác.- Kết chuyển lãi.	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.- Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác.- Kết chuyển thực lỗ trong kỳ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

- ❖ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.2.7.3. Kế toán lợi nhuận chưa phân phối

- ❖ Chứng từ kế toán sử dụng
 - Phiếu kế toán.
 - Quyết định xử lý lỗ các năm trước.
 - Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp.
 - Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận,...
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- ❖ Tài khoản kế toán sử dụng

TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”. Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

TK 421 bao gồm các tài khoản cấp 2 như sau

- TK 4211 “Lợi nhuận chưa phân phối năm trước”
- TK 4212 “Lợi nhuận chưa phân phối năm nay”

TK 421 có kết cấu tài khoản như sau:

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Số dư bên Nợ:

Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

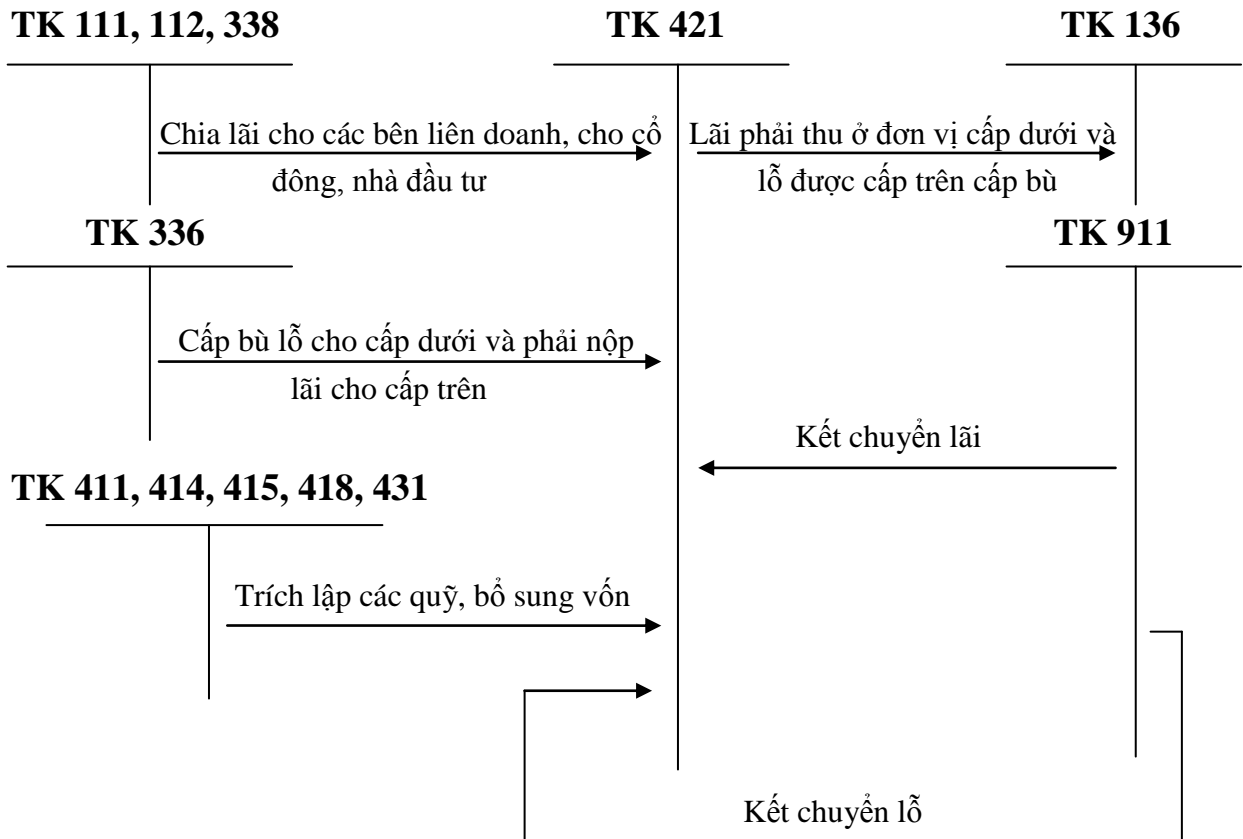
Số dư bên Có:

Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

❖ Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán kế toán lợi nhuận chưa phân phối



1.3. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Hiện nay, các doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các hình thức kế toán sau đây: Hình thức kế toán Nhật ký chung, hình thức Nhật ký - Sổ cái, hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ, hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ và hình thức kế toán trên máy vi tính tùy thuộc vào đặc điểm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có của doanh nghiệp.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

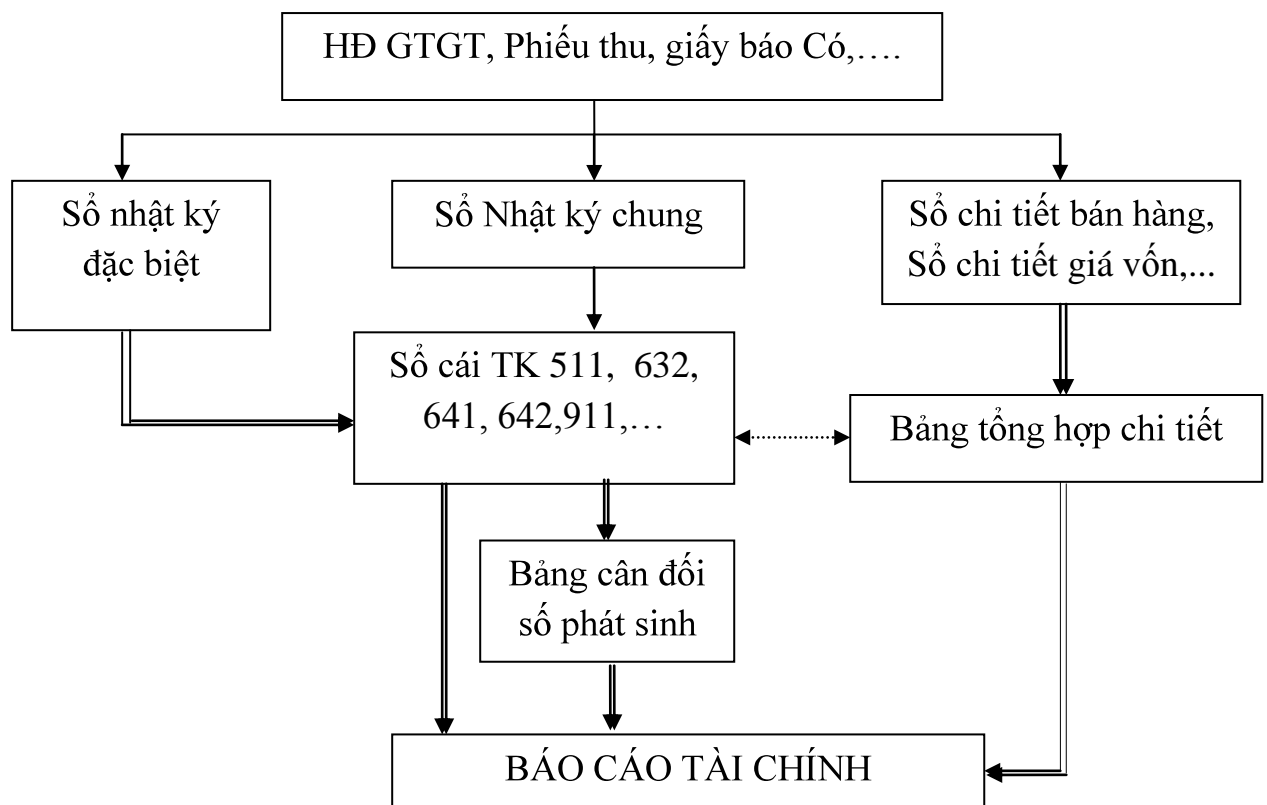
Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi theo thứ tự thời gian, theo quan hệ đối ứng của các tài khoản vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.

Các loại sổ sách kế toán sử dụng: Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt, Sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết.

Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho phân công việc.

Nhược điểm: Việc ghi chép bị trùng lặp nhiều.

Sơ đồ 1.13. Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi vào cuối tháng →
Đối chiếu, kiểm tra ←.....→

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Đặc điểm: Sử dụng Sổ nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và theo theo hệ thống trên cùng một trang sổ.

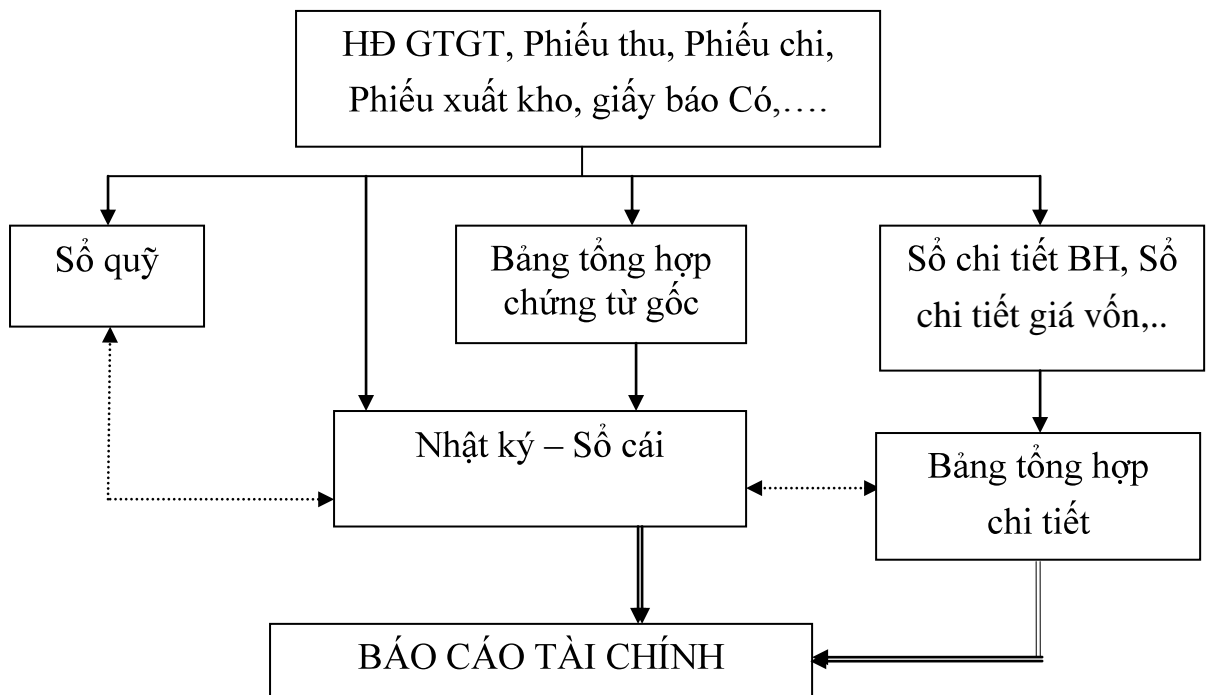
Các loại sổ sách kế toán sử dụng: Sổ Nhật ký - Sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết.

Ưu điểm: Các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu.

Nhược điểm: Khó phân công công việc.

Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.14. Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú: Ghi hàng ngày —————>

Ghi vào cuối tháng =====>

Đối chiếu, kiểm tra <----->

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

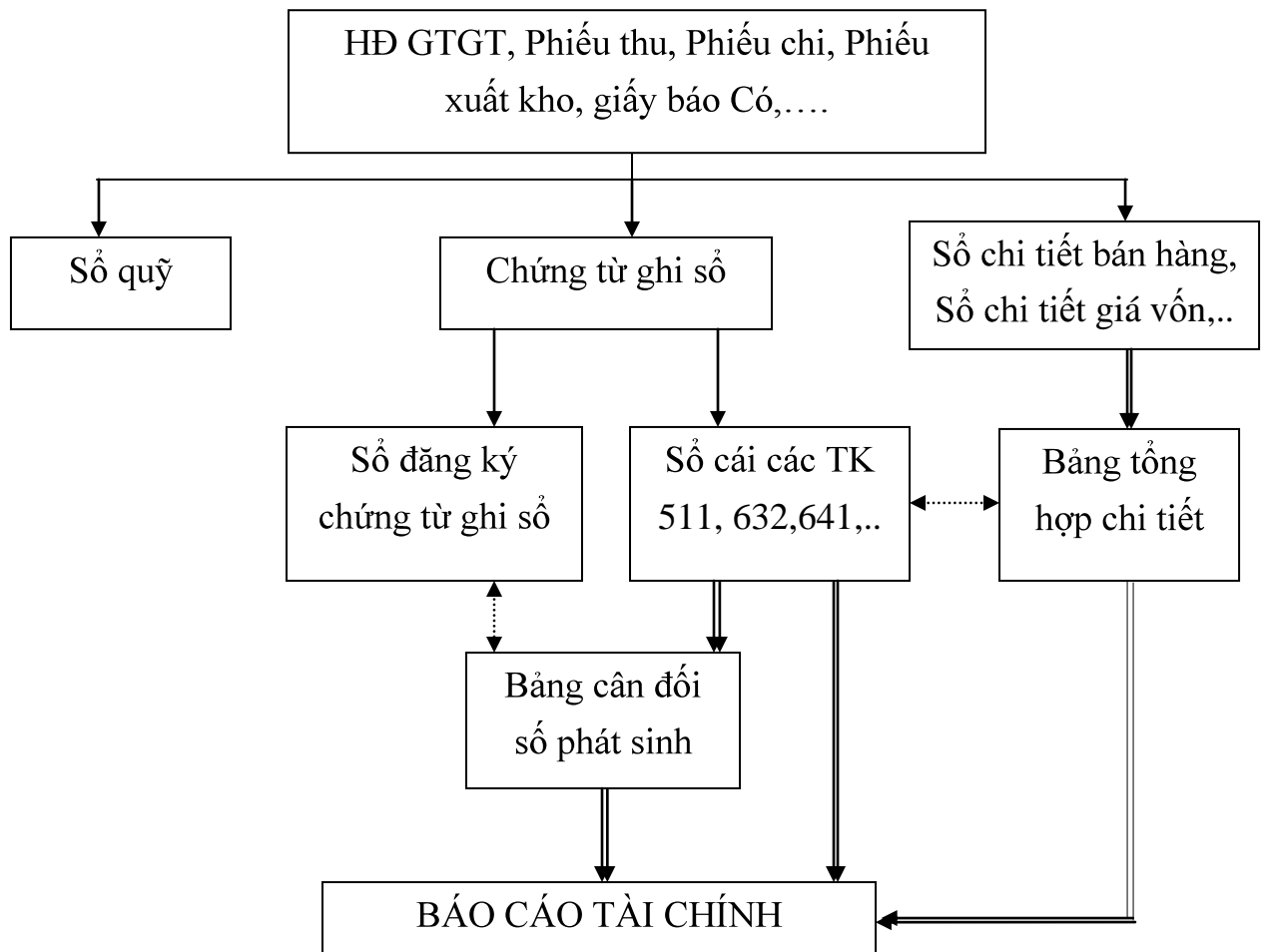
Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại, tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan.

Các loại sổ sách kế toán sử dụng: Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái; Các Sổ, thẻ kế toán chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết.

Ưu điểm: Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.

Nhược điểm: Ghi chép còn trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều.

Sơ đồ 1.15. Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi vào cuối tháng ==>
Đối chiếu, kiểm tra <-.->

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào Bảng kê và Nhật ký chứng từ. Cuối tháng, tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.

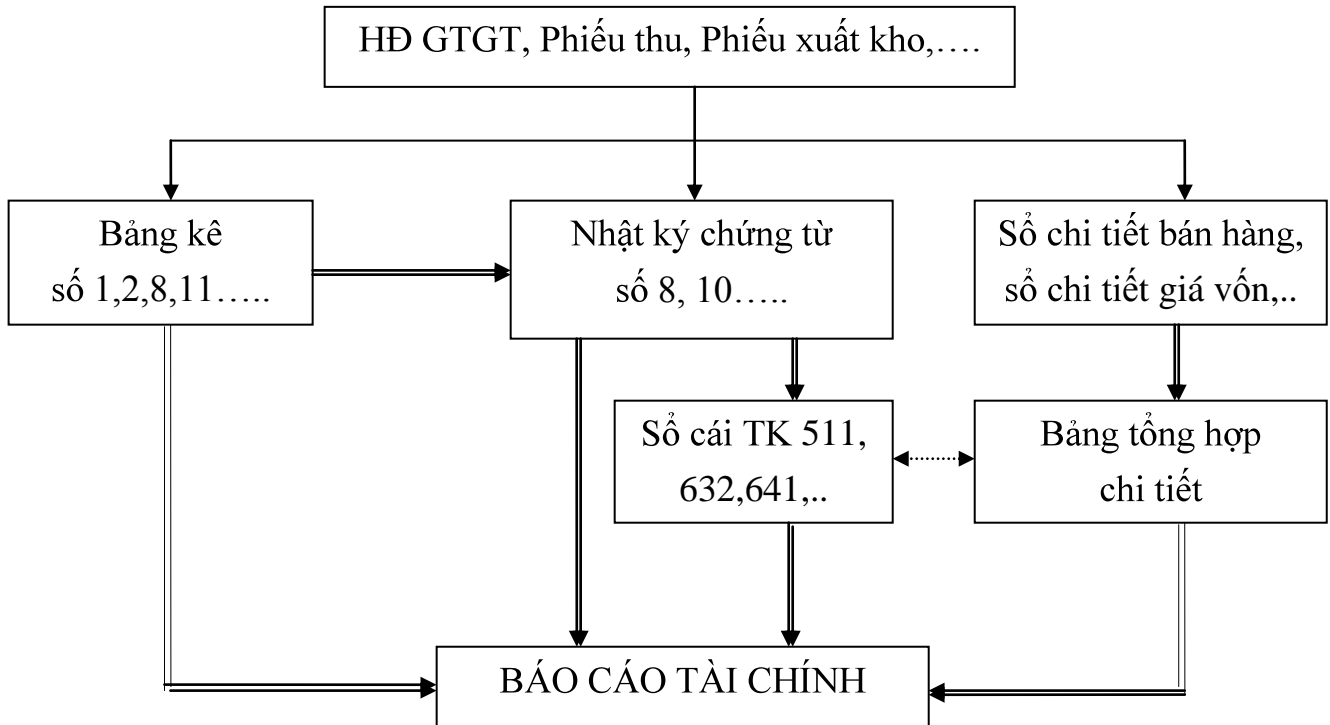
Các loại sổ sách kế toán sử dụng: Nhật ký chứng từ; Bảng kê; Sổ Cái; Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết.

Ưu điểm: Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.

Nhược điểm: Mẫu số phức tạp, đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng.

Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.16. Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ



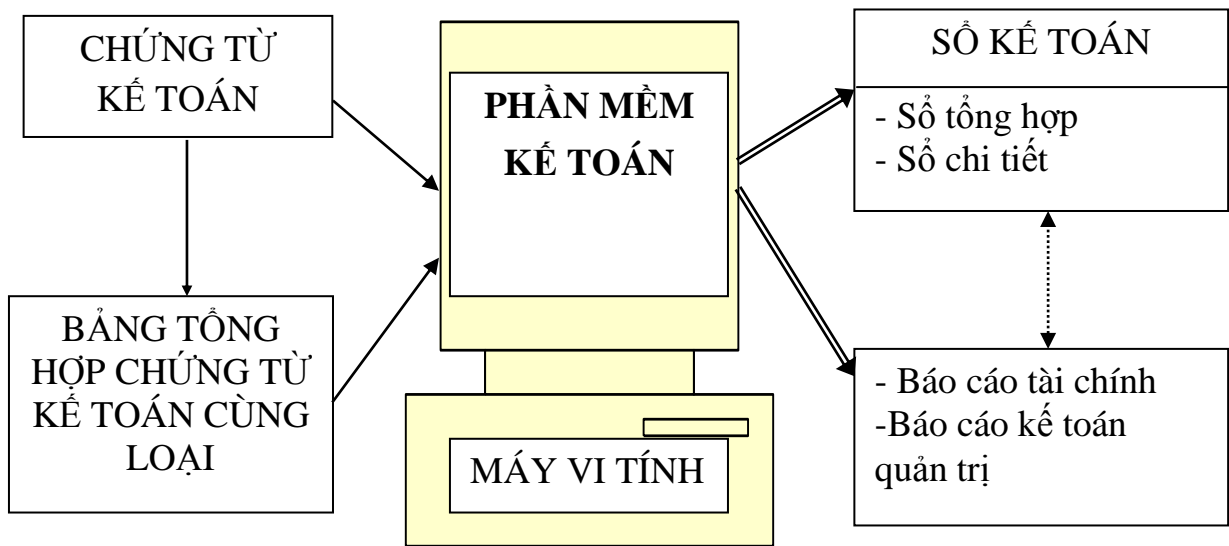
Ghi chú: Ghi hàng ngày —————→
Ghi vào cuối tháng = = = = = →
Đối chiếu, kiểm tra <----->

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của 1 trong 4 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và các Báo cáo tài chính theo quy định.

Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán trên máy vi tính được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.17. Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán trên máy vi tính

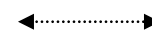
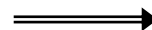


Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

Đối chiếu, kiểm tra



**CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU**

2.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần Sông Dầu

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Tên của đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu.

Địa chỉ: Tổ dân phố Bắc Hải, Phường Bàng La, Quận Đồ Sơn, TP.HP.

Mã số thuế: 0201044381

Điện thoại: 031.3917615

FAX: 031.3917615

Thành phố Hải Phòng với những lợi thế sẵn có, là đô thị trung tâm cấp Quốc gia có hệ thống cảng biển và giao thông thuận lợi, là một cực kinh tế quan trọng của tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Với những lợi thế đó Hải Phòng được chọn để xây dựng những nhà máy sản xuất phôi thép và thép xây dựng hàng đầu Việt Nam.

Nắm bắt được nhu cầu và xu thế phát triển của vật liệu mới. Nhận thấy Việt Nam là một thị trường lớn, đầy tiềm năng còn bỏ ngỏ. Ngày 22/11/1999, Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng đã trình lên Bộ xây dựng xin đầu tư xây dựng dự án “ Nhà máy mạ , sơn màu thép lá cuộn”. Với công suất 50.000 tấn sản phẩm/ năm. Đây là dự án sản xuất sản phẩm thép mạ, sơn màu đầu tiên của ngành xây dựng.

Chủ trương đầu tư dự án của Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng đã được lãnh đạo Bộ xây dựng và các cơ quan hữu quan nhiệt tình ủng hộ. Dự án đầu tư xây dựng nhà máy mạ, sơn màu thép lá cuộn do tổng công ty xây dựng Bạch Đằng làm chủ đầu tư với công suất 50.000 tấn/ năm tại khu công nghiệp Đông Hải - Quận Hải An - Hải Phòng đã được Bộ xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 1914/ QĐ - BXD ngày 29/12/2000. Trong quá trình triển khai thực hiện, có một số yếu tố thay đổi, vì vậy ngày 28/09/2001 Bộ trưởng Bộ xây dựng đã có Quyết định số 1577/QĐ – BXD “Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư nhà máy mạ hợp kim, sơn màu thép lá cuộn Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng”.

Sau 3 năm xây dựng, năm 2004 dự án được xây dựng và lắp đặt hoàn chỉnh. Nhà máy sản xuất thép mạ, sơn màu có quy mô hiện đại với dây

chuyên thiết bị công nghệ tiên tiến bậc nhất hiện nay trên thế giới đã được hình thành ngay trên thành phố Hải Phòng.

Tuy nhiên trong sự cạnh tranh gay gắt của thị trường, vấn đề tiêu thụ là điều kiện quan trọng nhất quyết định sự thành bại của dự án đầu tư. Vì lẽ đó nhà máy phải được tổ chức hợp lý, đảm bảo quyền tự chủ, năng động linh hoạt trong kinh doanh. Mặt khác, khối lượng tài sản, vật tư thiết bị, nhân lực của nhà máy là rất lớn, vì vậy phải có sự quản lý trực tiếp để tăng cường trách nhiệm của người quản lý, gắn liền quyền lợi của bộ máy quản lý với hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho dự án cũng như cho Tổng công ty. Do vậy Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng quyết định thành lập Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu trên cơ sở tham gia góp vốn điều lệ của Tổng công ty, các đơn vị khác cũng như các đơn vị khác ngoài Tổng công ty.

Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu được thành lập trên cơ sở dự án đầu tư nhà máy mạ hợp kim, sơn màu thép lá cuộn được thông qua theo Công văn 644/BXD – KTTC ngày 07/05/2004 của Bộ xây dựng và Nghị quyết số 59/ NQ – HĐQT của hội đồng Quản trị Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng ngày 18/06/2004. Tháng 6/2007 Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu được chuyển đổi chủ sở hữu từ tổng công ty xây dựng Bạch Đằng sang tổng công ty lắp máy Việt Nam (Lilama) với số cổ phần chi phối là 85,6% theo quyết định số 56/BXD của Bộ trưởng Bộ xây dựng.

Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu ra đời mở ra một thời kỳ mới cho dự án “nhà máy mạ hợp kim, sơn màu thép lá cuộn” đi tới thành công với thương hiệu VIFA trên thị trường vật liệu xây dựng.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

2.1.2.1. Nhiệm vụ sản xuất của công ty

Ngành nghề sản xuất kinh doanh: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm mạ, sơn thép cuộn và các sản phẩm khác liên quan tới quá trình sản xuất chính như: tôn lợp, khung nhà thép.

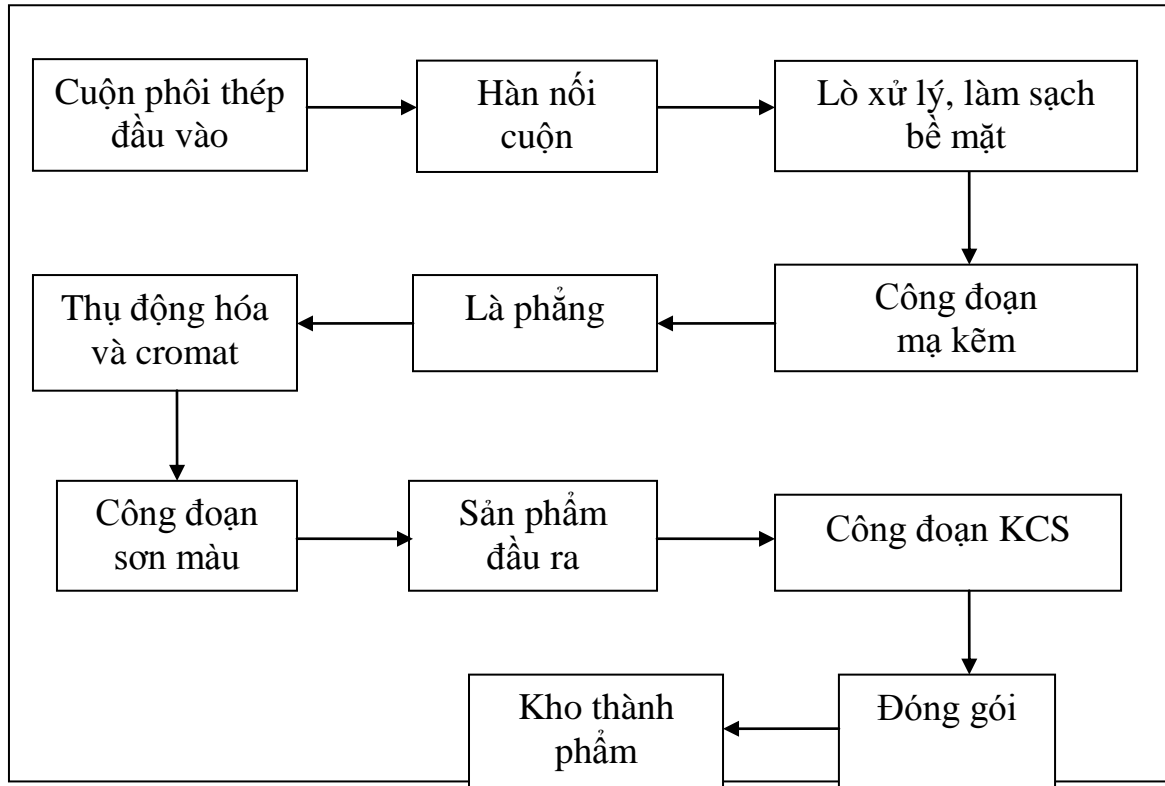
Sản phẩm của công ty là tôn màu thép lá cuộn, đa dạng về chủng loại, độ dày, màu sơn. Hiện nay công ty có hai dòng sản phẩm chính đó là: Tôn mạ kẽm Vifa zinc và tôn mạ kẽm màu Vifa zincolor.

2.1.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất

Sản phẩm của công ty được sản xuất trên hệ thống dây chuyền công nghệ hiện đại bậc nhất hiện nay. Nhập khẩu đồng bộ từ CH Pháp. Đây là dây chuyền duy nhất có mặt tại Châu Á và Việt Nam là một trong 8 nước trên thế giới sở hữu dây chuyền sản xuất tự động hoá liên tục từ quá trình xử lý, mạ đều quá trình sơn. Dây chuyền có khả năng cung ứng 50.000 tấn/sản phẩm/năm”.

Quy trình tạo ra sản phẩm được mô tả như sau:

Sơ đồ 2.1. Quy trình tạo ra sản phẩm



(Nguồn tài liệu Phòng kỹ thuật công nghệ Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

2.1.3. Thuận lợi, khó khăn và phương hướng phát triển của Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu

2.1.3.1. Thuận lợi

- Công ty có dây chuyền công nghệ hiện đại, sản phẩm có chất lượng cao do tiêu chuẩn của EU, tạo được niềm tin đối với khách hàng.
- Có đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, nhiệt tình, có trình độ cao.
- Công ty được đặt tại khu công nghiệp Đông Hải gần cảng biển, hệ thống giao thông thuận lợi nên phân phối hàng hoá có nhiều lợi thế hơn.
- Công ty là một trong ba cơ sở đầu tiên ở Việt Nam sản xuất được sản phẩm tôn mạ hợp kim nhôm kẽm và tôn mạ hợp kim nhôm kẽm màu.
- Đối thủ ở phía Bắc chủ yếu là Lilama Hà Nội, Vikor kém cả về chất lượng, thương hiệu cũng như thị phần.

2.1.3.2. Khó khăn

- Năm 1996 nhà máy sản xuất tôn mạ màu đầu tiên ở Việt Nam đã ra đời, đây là kết quả liên doanh giữa tập đoàn Nomura của Nhật Bản và công ty thép Miền Nam với công nghệ lạc hậu. Trải qua thời gian đầu do chất lượng thấp khó cạnh tranh với sản phẩm nhập ngoại. Nhưng với sự cải tiến công nghệ và lợi thế về hàng rào thuế quan, trong những năm qua công ty Phương Nam đã rất phát triển và thu về nhiều lợi nhuận. Từ sự thành công của tôn Phương Nam các doanh nghiệp đã ồ ạt đầu tư vào lĩnh vực này như: Tôn Phương Nam, tôn Hoa Sen, Bluescope, Lilama Hà Nội... Với tổng công suất khoảng 1 triệu tấn/ năm. Tuy nhiên theo thống kê nhu cầu trong nước mới khoảng 200.000 tấn/ năm. Như vậy cũng đã vượt xa “ Cầu”. Điều này tạo ra sức ép cạnh tranh lớn. Đây là thách thức lớn mà công ty phải đối mặt khi bắt đầu quá trình sản xuất kinh doanh.

- Công ty có vốn đầu tư rất lớn, gần 400 tỷ đồng, và vốn đầu tư này hoàn toàn là vốn vay, phải trả nợ trong thời gian từ 8-10 năm cho nên giá thành sản xuất lớn gây bất lợi trong cạnh tranh nhất là với các công ty tư nhân có vốn đầu tư thấp và cơ chế kinh doanh linh hoạt.

- Việt Nam ra nhập tổ chức kinh tế thế giới WTO, qua đó thuế suất đối với sản phẩm này sẽ giảm. Hơn nữa hầu hết nguyên vật liệu phải nhập từ nước ngoài vì thế sẽ mất lợi thế cạnh tranh khi hàng rào thuế quan được dỡ bỏ.

2.1.3.3. Phương hướng phát triển của công ty

Hiện nay công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển giao từ Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng sang Tổng công ty lắp máy Việt Nam (Lilama). Sự kiện này hứa hẹn sự phát triển mạnh mẽ của công ty cùng với sự thành công của Tổng công ty lắp máy Việt Nam.

Trong thời gian tới công ty sẽ cho ra đời sản phẩm mới tôn mạ hợp kim nhôm kẽm, hay còn gọi là tôn lạnh. Đây là sản phẩm có chất lượng cao và mang tính chiến lược của công ty nhằm cạnh tranh với các đối thủ khác trên thị trường.

- Công ty đã và đang hoàn tất thủ tục mở tổng kho tại Đà Nẵng để thuận tiện trong việc giao hàng cho các đại lý trên thị trường miền Trung và Tây Nguyên.

- Cùng với việc cho ra đời sản phẩm mới công ty đã và đang tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ ra các tỉnh phía Nam và đặc biệt là xuất khẩu ra nước ngoài.

- Xây dựng xưởng đập, định hình tôn thành phẩm, góp phần nâng cao doanh thu, hạ giá thành sản phẩm.

- Ngoài ra trong năm 2009 công ty có kế hoạch phát hành cổ phiếu lần đầu nhằm huy động thêm vốn phục vụ cho việc tăng hiệu quả kinh doanh.

Với những định hướng như vậy công ty phấn đấu tới 2013 đạt được 1 số chỉ tiêu như:

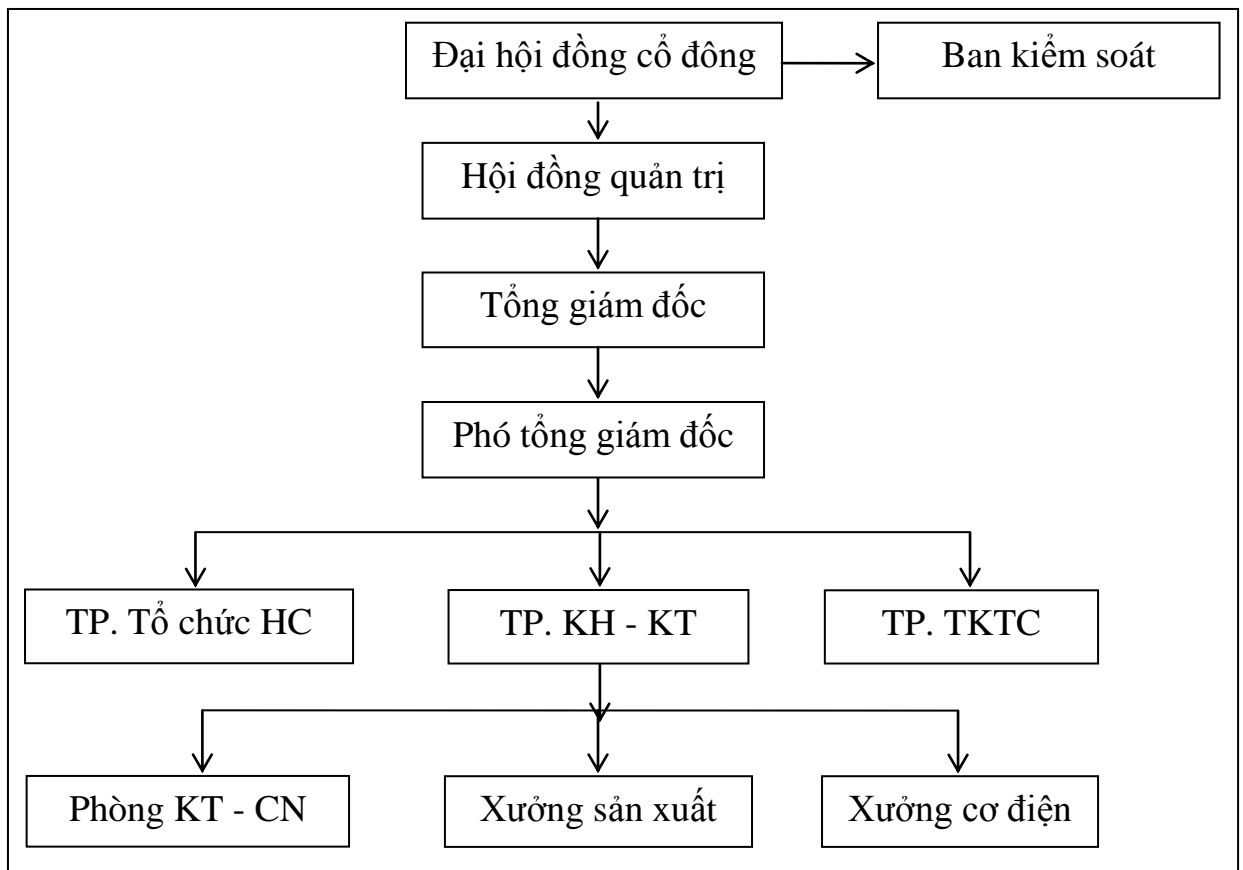
- Tăng sản lượng tiêu thụ từ 1800 tấn/ tháng lên 2500 tấn/ tháng.
- Tăng thị phần 21% lên 28%.
- Tăng quy mô lao động từ 220 người lên 300 người.
- Đảm bảo lương bình quân là 3,5 triệu đồng/ người/ tháng thay vì 2,8 triệu/ người/ tháng.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Hiện nay, mô hình cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu được thực hiện theo cơ cấu trực tuyến, thể hiện theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3. Mô hình cơ cấu tổ chức của công ty



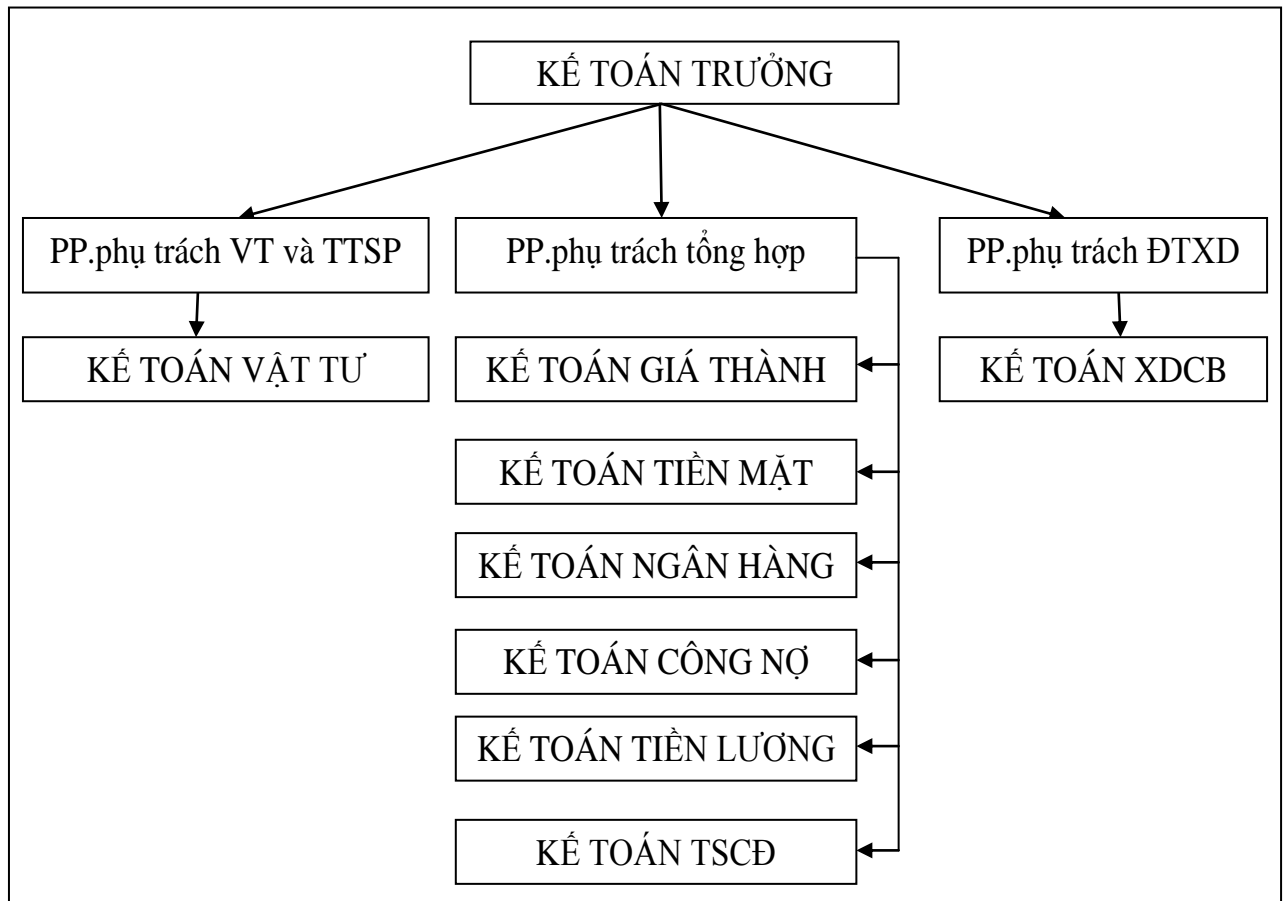
(Nguồn tài liệu Phòng tổ chức hành chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán kế toán của Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu

2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Hiện nay, mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu được lựa chọn theo mô hình tập trung như sau:

Sơ đồ 2.4. Bộ máy kế toán Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu



(Nguồn tài liệu Phòng tổ chức hành chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

❖ Chức năng và nhiệm vụ

Kế toán trưởng: tổ chức thực hiện công tác kế toán trong đơn vị, giúp người đại diện theo pháp luật của đơn vị giám sát tài chính tại đơn vị kế toán, thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị, tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán và lập Báo cáo tài chính.

Kế toán tổng hợp: Tổng hợp quyết toán toàn công ty, lập báo cáo tài chính, tập hợp chi phí tính giá thành, kê khai quyết toán thuế, theo dõi tài sản cố định.

Kế toán ngân hàng: Theo dõi công nợ với ngân hàng, theo dõi và thanh toán vốn vay, tiền gửi ngân hàng.

Kế toán công nợ: Theo dõi kiểm tra các khoản phải thu khách hàng các khoản nợ phải trả người bán và công nợ nội bộ.

Kế toán vật tư, hàng hóa: Theo dõi hạch toán hàng tồn kho và thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ hàng tháng.

Kế toán tiền lương: Theo dõi thu, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, căn cứ vào bảng chấm công và đơn giá tiền lương để tính toán tiền lương cho toàn công ty.

Kế toán giá thành: Tổ chức phân loại chi phí sản xuất kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, phân tích đánh giá tình hình thực hiện chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

2.1.5.2. Chính sách, chế độ kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu

❖ Chính sách, chế độ kế toán

- Chế độ kế toán Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu áp dụng là chế độ kế toán theo QĐ15/2006 - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam, đơn vị tính: Đồng.

- Phương pháp hạch toán Tài sản cố định:

+ Nguyên tắc đánh giá Tài sản cố định: Theo nguyên giá gốc.

+ Khấu hao Tài sản cố định: Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

Tỷ lệ khấu hao được tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT -BTC ngày 25 /04/2013 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.

❖ Hệ thống chứng từ đợc sử dụng trong công ty

Hệ thống chứng từ của công ty đợc áp dụng đúng theo QĐ số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính ban hành, đồng thời sử dụng các chứng từ đặc trưng riêng để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

❖ Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng của công ty

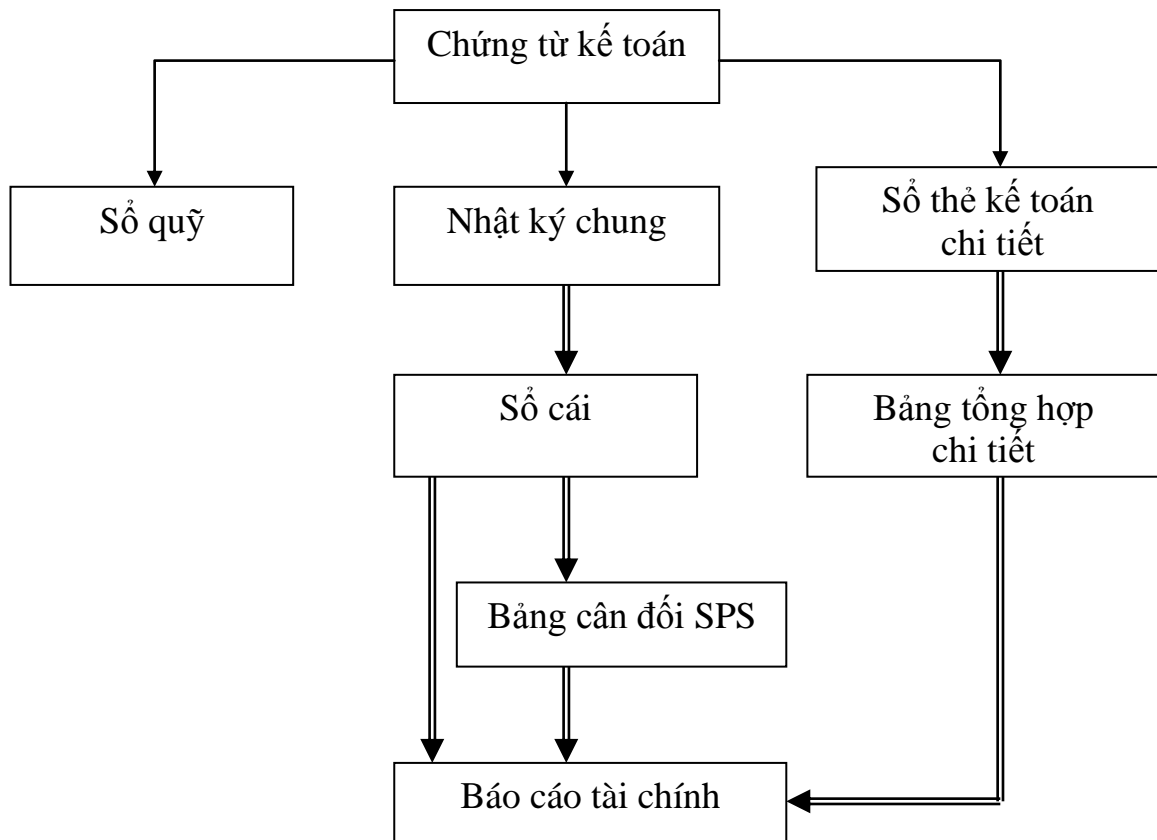
Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán hiện hành theo QĐ15/2006 - BTC. Tùy theo hoạt động của từng ban công ty áp dụng các tài khoản cấp 2, cấp 3 để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng ban.

❖ Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán

Hiện nay, Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu đang sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung với hệ thống sổ sách tương đối đầy đủ bao gồm: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, các loại sổ tổng hợp và các loại sổ chi tiết.

Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty được mô tả theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.5. Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức kế toán Nhật ký chung tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi vào cuối tháng ==>

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung. Đồng thời, kế toán cũng căn cứ vào các chứng từ gốc để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Cuối tháng, kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết có liên quan.

(2) Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Sau đó, kế toán căn cứ vào Sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập các Báo cáo tài chính.

❖ Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Sau khi các bộ phận kế toán tổng hợp giữa bảng kê, sổ chi tiết, sổ nhật ký chung, sổ cái kế toán tổng hợp rút ra số liệu và lên Báo cáo tài chính. Định kỳ phòng kế toán phải lập Báo cáo tài chính trình Ban Giám đốc duyệt và gửi các cơ quan ban ngành theo quy định của Nhà nước.

Hệ thống Báo cáo tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu bao gồm các biểu sau:

- | | |
|--|----------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B01-DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02- DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03- DN |
| - Bản thuyết minh tài chính | Mẫu số B09- DN |

(Báo cáo lưu chuyển tiền tệ công ty lập theo phương pháp trực tiếp).

Hệ thống báo cáo quản trị được phòng kế toán lập theo yêu cầu của Ban Giám đốc, bao gồm về các báo cáo tình hình công nợ, báo cáo doanh thu, báo cáo về chi phí, báo cáo kết quả theo từng bộ phận kinh doanh. Từ đó, Ban Giám đốc sẽ có những quyết định điều chỉnh phù hợp hoạt động kinh doanh của công ty trong môi trường kinh doanh luôn thay đổi và phức tạp.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu

❖ Phương thức bán hàng

Hiện nay, Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu đang thực hiện hai phương thức bán hàng là phương thức bán hàng trực tiếp và phương thức chuyển hàng theo hợp đồng.

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Áp dụng đối với tất cả các mặt hàng của công ty cũng như đối với tất cả khách hàng.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, công ty sẽ chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của công ty. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận mới được coi là tiêu thụ.

Về phương thức giao hàng, Công ty thường giao hàng trực tiếp tại kho cho khách và khách hàng tự vận chuyển về. Tuy nhiên, nếu khách hàng có yêu cầu được công ty chấp thuận thì công ty sẽ làm nhiệm vụ vận chuyển tới tận tay khách hàng, các khoản chi phí phát sinh sẽ được hạch toán vào tài khoản 641 (chi phí bán hàng).

❖ Phương thức thanh toán

Công ty áp dụng hai phương thức thanh toán đối với khách hàng là thu tiền ngay và chậm trả. Với khách hàng thường xuyên, có tín nhiệm, Công ty cho phép nợ lại theo thời hạn cũng như khách hàng không thường xuyên, khách lẻ thì phải thanh toán đầy đủ mới được nhận hàng.

Về hình thức thanh toán, Công ty chấp nhận các hình thức như: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, séc, chuyển khoản.

+ Thời gian trả chậm đối với khách hàng được áp dụng theo chính sách bán hàng của công ty. Công ty đó xây dựng chính sách bán hàng cho từng loại khách hàng, từng mặt hàng bao gồm: chính sách giá cả, chính sách thanh toán... để dễ dàng cho việc thực hiện và kiểm tra.

+ Kế toán công nợ phải theo dõi công nợ, nhắc nhở khách hàng có nợ quá hạn và lập báo cáo nợ quá hạn của khách hàng mỗi ngày và gửi cho kế toán trưởng để kiểm tra việc thu nợ và xuất hàng.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT: Căn cứ theo yêu cầu của khách hàng gửi đến công ty, Giám đốc cử đại diện phòng kinh doanh xem xét và ký kết các hợp đồng kinh tế theo các quy định của công ty đề ra. Sau khi hoàn thành sản phẩm thì phòng kế toán lập các Hóa đơn GTGT tương ứng với các Hợp đồng kinh tế đã ký kết. Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: màu tím được lưu lại quyền hóa đơn

+ Liên 2: màu đỏ giao cho khách hàng

+ Liên 3: màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có...

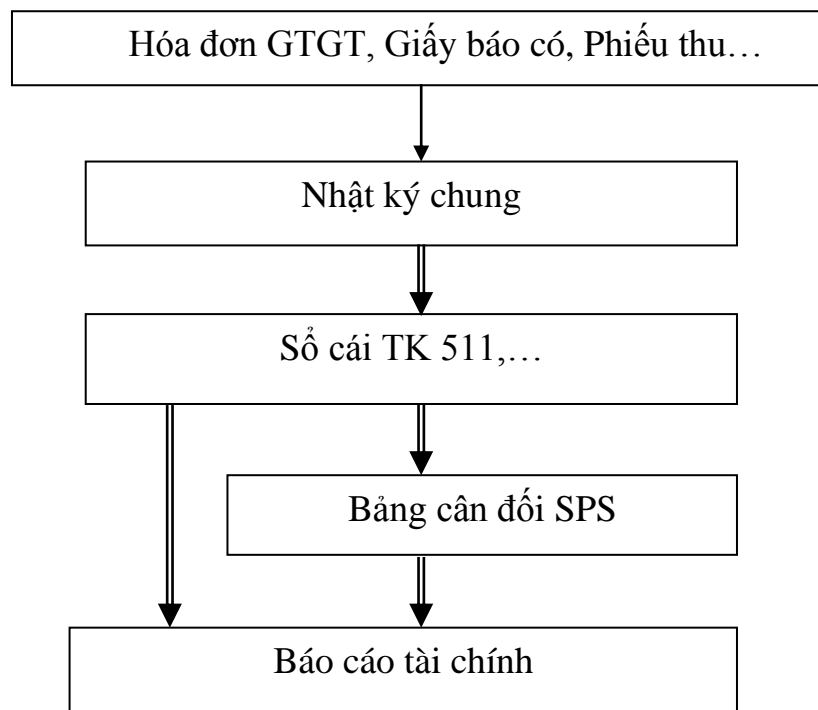
- Và các chứng từ khác có liên quan.
- ❖ Tài khoản kế toán sử dụng
 - Tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
 - Tài khoản 3331 - “Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước”
 - Các tài khoản thanh toán như TK 111, TK 112, TK 131.

Và các tài khoản khác có liên quan.

- ❖ Sổ sách kế toán sử dụng
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái TK 511
 - Và các sổ khác có liên quan.
- ❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu được thể hiện qua sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 2.6. Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ==>

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán gốc liên quan đến bán hàng như Hóa đơn GTGT, phiếu thu, giấy báo Có,... kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK511 và các tài khoản khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời, căn cứ vào sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập các Báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 22/12/2013, Công ty xuất kho bán 311 tấn tôn mạ kẽm màu Vifazincolor cho Công ty TNHH MTV xây lắp Sông Hồng, giá vốn là 855.000/tấn, giá bán là 1.210.000/tấn, trị giá tiền hàng là 376.310.000 (chưa có thuế GTGT 10%), chưa thanh toán.

Kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT (Biểu số 2.1) ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.4). Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK511 (Biểu số 2.5), và các sổ khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 24/12/2013, Công ty xuất kho bán 250 tấn tôn mạ kẽm màu Vifazincolor cho Công ty TNHH Tuấn Khôi, giá vốn là 855.000/tấn, giá bán là 1.210.000/tấn, trị giá tiền hàng là 302.500.000 (chưa có thuế GTGT 10%), đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT (Biểu số 2.2) và Phiếu báo có (Biểu số 2.3) để ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.4). Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK511 (Biểu số 2.5), và các sổ khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/13P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000221			
<i>Ngày 22 tháng 12 năm 2013</i>					
Tên đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu.....					
Địa chỉ: Bắc Hải, Phường Bằng La, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng.....					
Mã số thuế: 0201044381.....					
Điện thoại: 031.3917615.....					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV xây lắp Sông Hồng					
Địa chỉ: Thôn Phường Trạch – xã Vĩnh Ngọc – Đông Anh – Hà Nội.....					
Mã số thuế: 0203011217.....					
Điện thoại: 04.733.8295			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tôn mạ kẽm màu Vifa zincolor	Tấn	311	1.210.000	376.310.000
Cộng tiền hàng:					376.310.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					37.631.000
Tổng cộng tiền thanh toán					413.941.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm mười ba triệu chín trăm bốn mươi một nghìn đồng./					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.2. Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/13P		
Liên 3: Nội bộ			Số: 0000222		
<i>Ngày 24 tháng 12 năm 2013</i>					
Tên đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu.....					
Địa chỉ: Bắc Hải, Phường Bằng La, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng.....					
Mã số thuế: 0201044381.....					
Điện thoại: 031.3917615.....					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Tuấn Khôi.....					
Địa chỉ: Mỹ Đức - An Lão - Hải Phòng.....					
Mã số thuế: 0201011235.....					
Điện thoại: 031.323.8223			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tôn mạ kẽm màu Vifa zincolor	Tấn	250	1.210.000	302.500.000
Cộng tiền hàng:					302.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			30.250.000
Tổng cộng tiền thanh toán					332.750.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng./					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.3. Phiếu báo có

NGÂN HÀNG TMCP KỸ
THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh: HPG - TCB HP
MST: 0100230800-004



Theo công văn số
21208/CT/AC
Số: 310

PHIẾU BÁO CÓ

Ngày 24 tháng 12 năm 2013

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Số tài khoản: 10910901785011

Địa chỉ: Tổ dân phố Bắc Hải, Phường Bàng La, Quận Đồ Sơn, TP.HP.

Mã số thuế: 0201044381 Loại tiền: VND

Số ID khách hàng : 10801574 Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số bút toán hạch toán: LD1227690530;11

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH Tuấn chuyển khoản trả tiền hàng	332.750.000
Tổng số tiền	332.750.000

Số tiền bằng chữ: Ba trăm ba mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn VND./

Trích yếu : Công ty TNHH Tuấn chuyển khoản trả tiền hàng.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.4. Trích Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU
Bắc Hải - Bàng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
...
22/12	PX41/12	22/12	Bán Tôn mạ kẽm màu Vifa zincolor cho Công ty TNHH MTV xây lắp Sông Hồng, chưa thu tiền			632	265.905.000	
						155		265.905.000
	131					413.941.000		
	511						376.310.000	
	3331						37.631.000	
...
24/12	PX42/12	24/12	Bán Tôn mạ kẽm màu Vifa zincolor cho Công ty TNHH Tuấn Khôi, thanh toán bằng chuyển khoản			632	213.750.000	
						155		213.750.000
	112					332.750.000		
	511						302.500.000	
	3331						30.250.000	
...
			Cộng phát sinh				240.281.360.618	240.281.360.618

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5. Trích Sổ cái TK 511

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU
Bắc Hải - Bằng La - Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...
21/12	HD 0000220	21/12	Bán tôn lạnh màu Vifa zinc Cty xây lắp Sông Hồng, chưa thu tiền	131		388.750.320
22/12	HD 0000221	22/12	Bán Tôn mạ kẽm màu Vifa zincolor cho Cty xây lắp Sông Hồng	131		376.310.000
24/12	HD 0000222	24/12	Bán tôn mạ kẽm màu Vifa zincolor cho Cty Tuấn Khôi	112		302.500.000
25/12	HD 0000223	25/12	Bán tôn lạnh màu Vifa zinc cho CTCP LILAMA, chưa thu tiền	131		275.600.020
...
31/12	PKT 45/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	22.089.678.925	
			Cộng SPS		22.089.678.925	22.089.678.925
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty

Trong năm 2013, tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu không có các khoản giảm trừ doanh thu, do công ty không có chính sách chiết khấu thương mại hay giảm giá hàng bán cho khách hàng.

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu

Giá vốn hàng bán dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa hay giá thành của sản phẩm đã bán ra trong kỳ.

- Công ty tính giá hàng xuất bán theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn sau mỗi lần nhập.

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } n = \frac{\text{Trị giá hàng tồn trước lần nhập } n + \text{Trị giá hàng nhập lần } n}{\text{S.lượng hàng tồn trước lần nhập } n + \text{S.lượng hàng nhập lần } n}$$

Trị giá hàng xuất kho = Đơn giá BQ sau lần nhập n x Số lượng hàng xuất kho

- ❖ Chứng từ kế toán sử dụng
 - Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho
 - Và các chứng từ khác có liên quan.
- ❖ Tài khoản kế toán sử dụng
 - Tài khoản 632 - “Giá vốn hàng bán”

Tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu sản xuất và kinh doanh 2 mặt hàng tôn mạ màu kẽm Vifa zincolor và tôn lạnh màu Vifa Caluzinc. Vì vậy, để hạch toán kế toán giá vốn hàng bán thì công ty sử dụng tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán” được chi tiết thành cấp 2 theo 2 mặt hàng trên:

+ TK 6321 - Giá vốn hàng bán của tôn mạ màu kẽm Vifa zincolor

+ TK 6322 - Giá vốn hàng bán của tôn lạnh màu Vifa Caluzinc.

- Tài khoản 155 - “Thành phẩm”. Tài khoản này cũng được chi tiết thành cấp 2 theo 2 mặt hàng trên như sau:

+ TK 1551 - Tôn mạ màu kẽm Vifa zincolor

+ TK 1552 - Tôn lạnh màu Vifa Caluzinc.

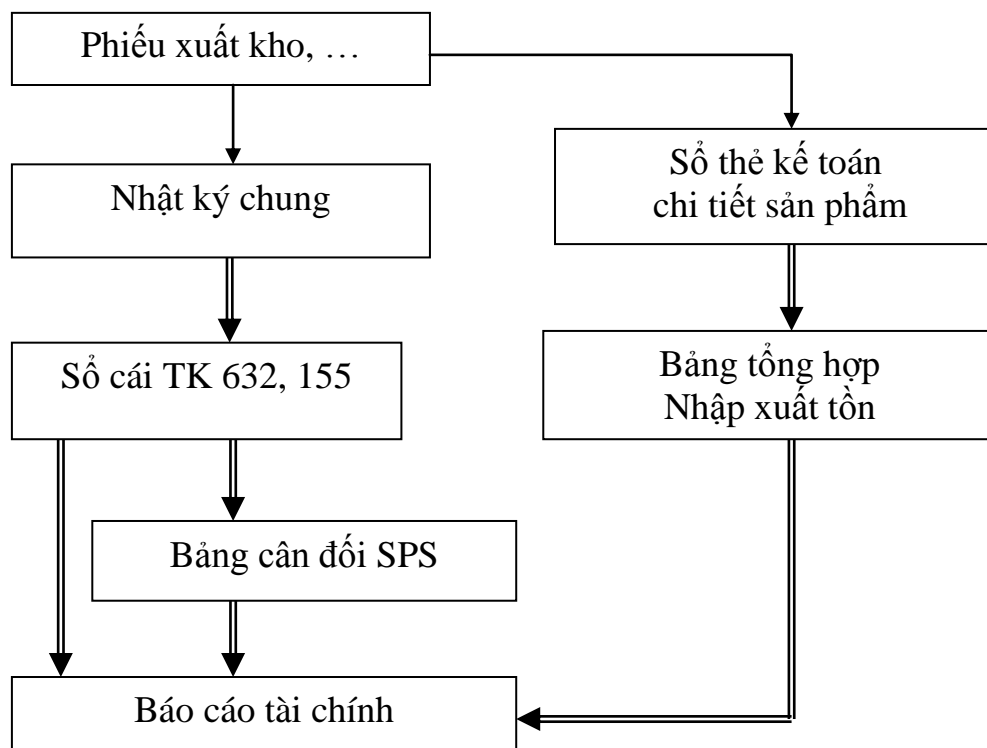
- Và các tài khoản khác có liên quan.
- ❖ Sổ sách kế toán sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 632, TK 156

- Và các sổ khác có liên quan.

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu được khái quát qua sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 2.7. Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
Ghi vào cuối tháng ==>
Đối chiếu, kiểm tra <-.->

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung. Đồng thời, kế toán cũng căn cứ vào các chứng từ gốc để ghi vào sổ kế toán chi tiết sản phẩm. Cuối tháng, kế toán căn cứ vào sổ kế toán chi tiết thành phẩm để lập Bảng tổng hợp nhập xuất tồn thành phẩm.

(2) Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái TK 632, 155,... Sau đó, căn cứ vào sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập các Báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 22/12/2013, Công ty xuất kho bán 311 tấn tôn mạ kẽm màu Vifazincolor cho Công ty TNHH MTV xây lắp Sông Hồng, đơn giá xuất kho là 855.000/tấn, trị giá vốn là 265.905.000 đồng.

Kế toán căn cứ vào Phiếu xuất kho (Biểu số 2.6) để ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.8) và Sổ chi tiết sản phẩm (Biểu số 2.9). Cuối tháng, kế toán tổng hợp số liệu trên các Sổ chi tiết sản phẩm để lập Bảng tổng hợp nhập xuất tồn sản phẩm (Biểu số 2.10).

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 632 (Biểu số 2.11) và TK 155 (Biểu số 2.12), và các sổ khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các Sổ cái và Bảng tổng hợp nhập xuất tồn sản phẩm để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 24/12/2013, Công ty xuất kho bán 250 tấn tôn mạ kẽm màu Vifazincolor cho Công ty TNHH Tuấn Khôi, đơn giá xuất kho là 855.000/tấn, trị giá vốn là 213.750.000 đồng.

Kế toán căn cứ vào Phiếu xuất kho (Biểu số 2.7) để ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.8) và Sổ chi tiết sản phẩm (Biểu số 2.9). Cuối tháng, kế toán tổng hợp số liệu trên các Sổ chi tiết sản phẩm để lập Bảng tổng hợp nhập xuất tồn sản phẩm (Biểu số 2.10).

Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 632 (Biểu số 2.11) và TK 155 (Biểu số 2.12), và các sổ khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các Sổ cái và Bảng tổng hợp nhập xuất tồn sản phẩm để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.6. Phiếu xuất kho

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

MST: 0201044381

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 22/12/2013

Số : 41/12

Nợ: 6321

Có: 1551

Người nhận hàng: Nguyễn Văn Hoàn

Địa chỉ: Công ty TNHH MTV xây lắp Sông Hồng

Lý do xuất: Xuất bán tôn mạ kẽm màu Vifazincolor

Xuất tại kho: TPK – Kho thành phẩm

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách thành phẩm	Danh điểm	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Tôn mạ kẽm màu	zincolor	Tấn	311	311	855.000	265.905.000
	Cộng			311	311		265.905.000

Ngày 22 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI LẬP PHIẾU NGƯỜI NHẬN HÀNG THỦ KHO KẾ TOÁN TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.7. Phiếu xuất kho

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

MST: 0201044381

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 24/12/2013

Số : 42/12

Nợ: 6321

Có: 1551

Người nhận hàng: Trần Mạnh Tuấn

Địa chỉ: Công ty TNHH Tuấn Khôi

Lý do xuất: Xuất bán tôn mạ kẽm màu Vifazincolor

Xuất tại kho: TPK – Kho thành phẩm

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách thành phẩm	Danh điểm	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Tôn mạ kẽm màu	zincolor	Tấn	250	250	855.000	213.750.000
	Cộng			250	250		213.750.000

Ngày 24 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI LẬP PHIẾU

(Ký, họ tên)

NGƯỜI NHẬN HÀNG

(Ký, họ tên)

THỦ KHO

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.8. Trích Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU
Bắc Hải - Bàng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
...
22/12	PX41/12	22/12	Bán Tôn mạ kẽm màu Vifa zincolor cho Công ty TNHH MTV xây lắp Sông Hồng, chưa thu tiền			6321	265.905.000	
						1551		265.905.000
	131					413.941.000		
	511						376.310.000	
	3331						37.631.000	
...
24/12	PX42/12	24/12	Bán Tôn mạ kẽm màu Vifa zincolor cho Công ty TNHH Tuần Khôi, thanh toán bằng chuyển khoản			6321	213.750.000	
						1551		213.750.000
	112					332.750.000		
	511						302.500.000	
	3331						30.250.000	
...
			Cộng phát sinh				240.281.360.618	240.281.360.618

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

Người lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9. Trích Sổ chi tiết sản phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU
Bắc Hải - Bàng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số S10 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng 12 năm 2013

Tài khoản: 1551 – Tên kho: Thành phẩm

Tên quy cách nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa: Tôn mạ kẽm màu Vifa zincolor

GT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
			Tồn đầu kỳ		807.000					402	324.414.000
02/12	PN01/12	02/12	Nhập kho TP	1541	815.000	500	407.500.000			902	731.914.000
03/12	PX01/12	03/12	Xuất bán	6321	811.435			128	103.863.680	774	628.050.032
...
16/12	PX37/12	16/12	Xuất bán	6321	874.605			105	91.833.525	471	411.938.955
19/12	PN23/12	19/12	Nhập kho TP	1541	837.000	513	429.381.000			984	841.320.000
22/12	PX41/12	22/12	Xuất bán	6321	855.000			311	265.905.000	673	575.415.000
24/12	PX42/12	24/12	Xuất bán	6321	855.000			250	213.750.000	423	361.665.000
...
			Cộng phát sinh			1146	1.140.062.000	1021	1.013.891.000		
			Tồn cuối kỳ							527	450.585.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.10. Trích Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

MST: 0201044381

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN KHO THÀNH PHẨM

Từ ngày 01/12/2013 đến ngày 31/12/2013

STT	Tên thành phẩm	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	Tôn mạ kẽm màu zincolor	Tấn	402	324.414.000	1146	1.140.062.000	1021	1.013.891.000	527	450.585.000
2	Tôn lạnh màu Caluzinc	Tấn	245	224.175.000	1022	937.174.000	1047	959.052.550	220	202.296.450
Tổng cộng			647	548.589.000	2168	2.077.236.000	2068	1.972.943.550	747	652.881.450

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.11. Trích Sổ cái TK 632

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...
21/12	PX40/12	21/12	Bán tôn lạnh màu Vifa zinc Cty xây lắp Sông Hồng, chưa thu tiền	1552	250.350.720	
22/12	PX41/12	22/12	<i>Bán Tôn mạ kẽm màu Vifa zincolor cho Cty xây lắp Sông Hồng</i>	1551	265.905.000	
24/12	PX42/12	24/12	<i>Bán tôn mạ kẽm màu Vifa zincolor cho Cty Tuấn Khôi</i>	1551	213.750.000	
25/12	PX43/12	25/12	Bán tôn lạnh màu Vifa zinc cho CTCP LILAMA, chưa thu tiền	1552	176.420.000	
...
31/12	PKT 46/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		20.938.340.113
			Cộng SPS		20.938.340.113	20.938.340.113
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.12. Trích Sổ cái TK 155

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tài khoản: 155 – Thành phẩm

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		297.835.550	
			Số phát sinh			
...
19/12	PN23/12	19/12	Nhập kho Thành phẩm tôn Zicolor	1541	429.381.000	
...
21/12	PX40/12	21/12	Bán tôn lạnh màu Vifa zinc Cty xây lắp Sông Hồng, chưa thu tiền	6322		250.350.720
22/12	PX41/12	22/12	Bán Tôn mạ kẽm màu Vifa zincolor cho Cty xây lắp Sông Hồng	6321		265.905.000
24/12	PX42/12	24/12	Bán tôn mạ kẽm màu Vifa zincolor cho Cty Tuấn Khôi	6321		213.750.000
25/12	PX43/12	25/12	Bán tôn lạnh màu Vifa zinc cho CTCP LILAMA, chưa thu tiền	6322		176.420.000
...
			Cộng SPS		21.293.386.013	20.938.340.113
			Số dư cuối kỳ		652.881.450	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu

2.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty

Chi phí bán hàng tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng bao gồm các chi phí chủ yếu sau:

- Chi phí nhân viên bán hàng (tiền lương, các khoản trích theo lương...)
- Chi phí vật liệu, bao bì.
- Chi phí dụng cụ đồ dùng khâu bán hàng.
- Chi phí khấu hao, sửa chữa TSCĐ khâu bán hàng.
- Chi phí bảo hành.
- Chi phí DV mua ngoài khâu bán hàng.
- Chi phí bán hàng khác như: chi phí tiếp khách, chi phí quảng cáo,...

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Phiếu Chi, Giấy báo nợ ...
- Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho
- Và các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

TK 641 “Chi phí bán hàng”. Tài khoản này được chi tiết theo cấp 2 như sau:

- TK 6411 “Chi phí nhân viên”
- TK 6412 “Chi phí vật liệu, bao bì”
- TK 6413 “Chi phí dụng cụ đồ dùng khâu bán hàng”
- TK 6414 “Chi phí KHCB, sửa chữa TSCĐ khâu bán hàng”
- TK 6415 “Chi phí bảo hành”
- TK 6417 “Chi phí DV mua ngoài khâu bán hàng”
- TK 6418 “Chi phí bán hàng khác”

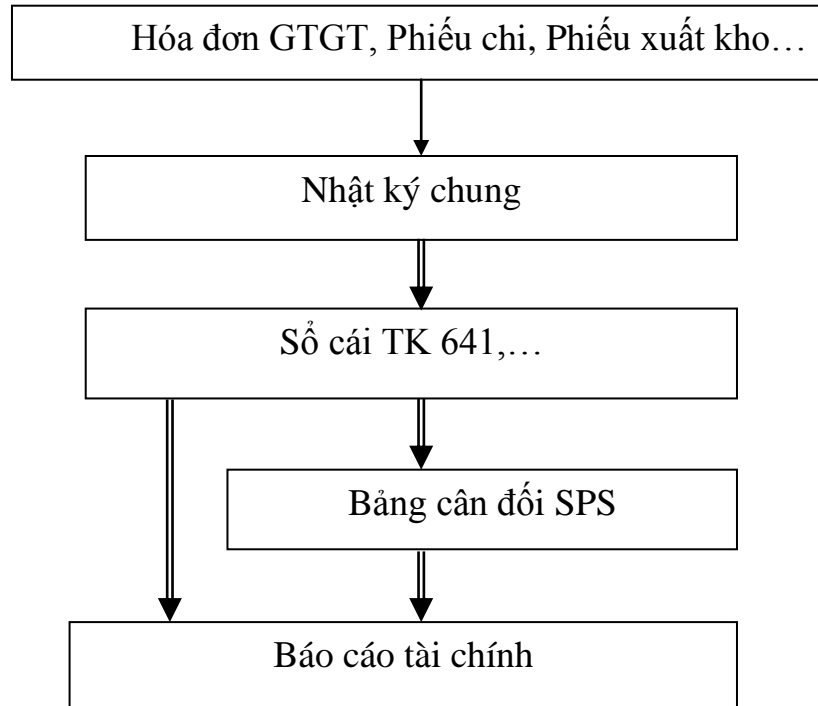
❖ Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 641
- Và các sổ khác có liên quan.

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu được khái quát qua sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 2.8. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí bán hàng tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán gốc liên quan đến chi phí bán hàng như Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ,... kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 641 và các tài khoản khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời, căn cứ vào sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập các Báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 27/12/2013, Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu mua công cụ dụng cụ phục vụ cho bộ phận bán hàng, tổng tiền thanh toán là 660.000 đồng (thuế GTGT 10%), thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT (Biểu số 2.13) và phiếu chi số 58/12 (Biểu số 2.14), kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.16). Cuối

quý, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 641 (Biểu số 2.17), và các sổ khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2013, căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Biểu số 2.15), kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.16). Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 641 (Biểu số 2.17), và các sổ khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.13. Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/13P			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Số: 0003216			
Ngày 27 tháng 12 năm 2013					
Tên đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thiết bị văn phòng phẩm Hoàng Mai					
Địa chỉ: Đồng Tiến 1- Bàng La, Đồ Sơn, Hải Phòng					
Mã số thuế: 0201287384.....					
Điện thoại: 031.3211668.....					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu					
Địa chỉ: Bắc Hải, Phường Bàng La, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng.....					
Mã số thuế: : 0201044381.....					
Điện thoại: 031.3917615			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	01	600.000	600.000
Cộng tiền hàng:					600.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			60.000
Tổng cộng tiền thanh toán					660.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.14. Phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số: 02 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 27 tháng 12 năm 2013

Số: PC 58/12

Nợ TK 6413: 600.000

Nợ TK 133 : 60.000

Có TK 111 : 660.000

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Thái Hà.....

Địa chỉ : Công ty TNHH thiết bị văn phòng phẩm Hoàng Mai.....

Lý do chi: Thanh toán tiền mua công cụ dụng cụ.....

Số tiền: 660.000

Bằng chữ: *Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./*.....

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.....

Ngày 27 tháng 12 năm 2013

Tổng giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: *Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./*

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.15. Trích Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU				Mẫu số 06 - TSCĐ			
Bắc Hải - Bàng La – Đồ Sơn - Hải Phòng				(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)			
BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN							
Tháng 12 năm 2013							
STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ KH(%) hoặc thời gian sử dụng	Nơi sử dụng		TK 627 – Chi phí sản xuất chung	TK 641 – Chi phí bán hàng	TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
			Toàn DN				
			Nguyên giá	Số khấu hao			
A	B	1	2	3	4	5	6
1	I- Số KH trích T11		52.794.632.818	317.761.254	295.483.109	5.782.600	16.495.545
2	II- Số KH TSCĐ tăng trong T12		795.470.000	24.866.194	17.748.000	2.125.194	4.993.000
	Máy tiện đứng iP532	120	120.000.000	1.000.000	1.000.000		
	Máy tính bàn	12	28.200.000	2.350.000	391.667	783.334	1.175.000

3	II- Số KH TSCĐ giảm trong T12	-	-	-	-	-	-
4	IV- Số KH trích T12		53.590.102.818	342.627.448	313.231.109	7.907.794	21.488.545

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG (Ký, họ tên)	NGƯỜI GHI SỔ (Ký, họ tên)
------------------------------------	----------------------------------

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.16. Trích Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU
Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
...
27/12	HĐGTGT	27/12	Mua công cụ dụng cụ phục vụ bộ phận bán hàng, thanh toán bằng tiền mặt			6413	600.000	
	0003216			133	60.000			
	PC 58/12			111		660.000		
...
31/12	BPBKH t12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12 năm 2013			627	313.231.109	
						641	7.907.794	
						642	21.488.545	
						214		342.627.448
...
			Cộng phát sinh				240.281.360.618	240.281.360.618

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.17. Trích Sổ cái TK 641

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tài khoản: 641 – Chi phí bán hàng

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...
27/12	HDGTGT 0003216	27/12	Mua công cụ dụng cụ phục vụ công tác bán hàng, thanh toán bằng tiền mặt	111	600.000	
	PC 58/12	
31/12	BPBKH t12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ bộ phận bán hàng T12	214	7.907.794	
...
31/12	PKT 46/12	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		398.102.350
			Cộng SPS		398.102.350	398.102.350
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

2.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty bao gồm:

- Chi phí quản lý nhân viên
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao, sửa chữa TSCĐ khâu QLDN
- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khâu QLDN
- Chi phí bằng tiền khác.
 - ❖ Chứng từ kế toán sử dụng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Phiếu Chi, Giấy báo nợ ...
- Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho
- Và các chứng từ khác có liên quan.
 - ❖ Tài khoản kế toán sử dụng

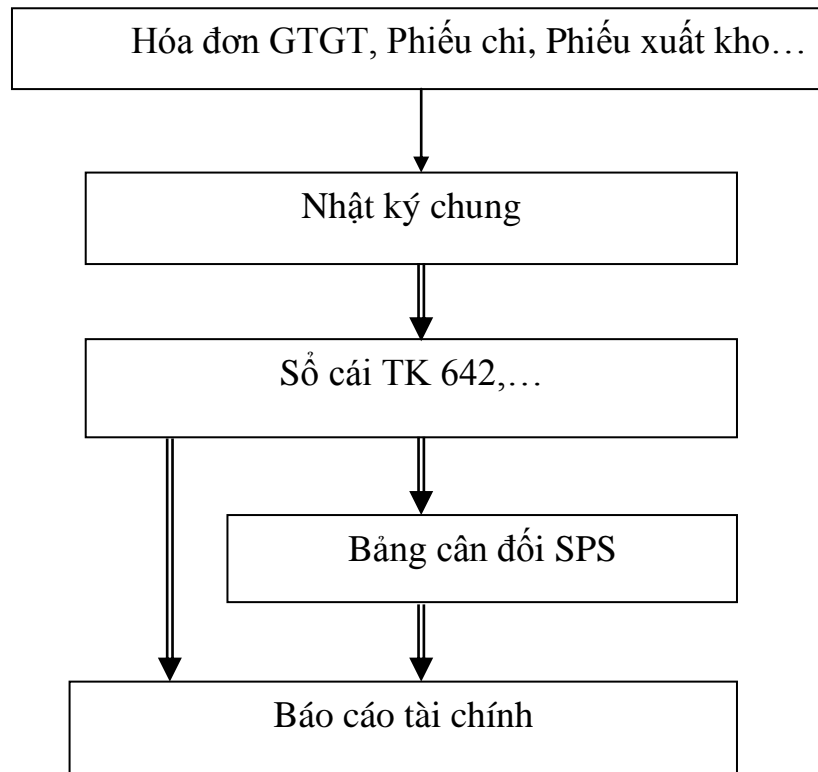
TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. TK 642 bao gồm các tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 6421 “Chi phí quản lý nhân viên”
- TK 6422 “Chi phí vật liệu quản lý”
- TK 6423 “Chi phí đồ dùng văn phòng”
- TK 6424 “Chi phí khấu hao, sửa chữa TSCĐ khâu QLDN”
- TK 6425 “Thuế, phí và lệ phí”
- TK 6426 “Chi phí dự phòng”
- TK 6427 “Chi phí dịch vụ mua ngoài khâu QLDN”
- TK 6428 “Chi phí bằng tiền khác”.
 - ❖ Sổ sách kế toán sử dụng
 - Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 642
- Và các sổ khác có liên quan.
- ❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu được khái quát qua sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 2.8. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ==>

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán gốc liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp như Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ,... kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 642 và các tài khoản khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời, căn cứ vào sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập các Báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 31/12/2013, Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu thanh toán tiền tiếp khách mời, số tiền 4.500.000 đồng, thuế VAT10%, thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT (Biểu số 2.18) và phiếu chi số 61/12 (Biểu số 2.19), kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.21). Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 642 (Biểu số 2.22), và các sổ khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2013, căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Biểu số 2.20), kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.21). Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 642 (Biểu số 2.22), và các sổ khác có liên quan. Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.18. Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: PE/13P		
Liên 2: Giao cho khách hàng			Số: 0000906		
Ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Tên đơn vị bán hàng: Nhà hàng Hải Âu					
Địa chỉ: Khách sạn Hải Âu – Khu II – Đồ Sơn – Hải Phòng.....					
Mã số thuế: 0200113875.....					
Điện thoại: 031.3538210.....					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu					
Địa chỉ: Bắc Hải, Phường Bàng La, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng.....					
Mã số thuế: : 0201044381.....					
Điện thoại: 031.3917615			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Chi tiếp khách			4.500.000	4.500.000
Cộng tiền hàng:					4.500.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			450.000
Tổng cộng tiền thanh toán					4.950.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.19. Phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU Bắc Hải - Bàng La – Đồ Sơn - Hải Phòng			Mẫu số: 02 - TT (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)	
PHIẾU CHI			Số: PC 61/12	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			Nợ TK 6428: 4.500.000	
			Nợ TK 133 : 450.000	
			Có TK 111 : 4.950.000	
Họ và tên người nhận tiền: Trần Thị Thanh				
Địa chỉ : Nhà hàng Hải Âu.....				
Lý do chi: Thanh toán tiền tiếp khách.....				
Số tiền: 4.950.000				
Bằng chữ: <i>Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./</i>				
Kèm theo: 01 chứng từ gốc.....				
			Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
Tổng giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền: <i>Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./</i>				
Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):				
Số tiền quy đổi:				
<i>(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)</i>				

Biểu số 2.20. Trích Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bàng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số 06 - TSCĐ

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN

Tháng 12 năm 2013

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ KH(%) hoặc thời gian sử dụng	Nơi sử dụng		TK 627 – Chi phí sản xuất chung	TK 641 – Chi phí bán hàng	TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
			Toàn DN				
A	B	1	Nguyên giá 2	Số khấu hao 3	4	5	6
1	II- Số KH trích T11		52.794.632.818	317.761.254	295.483.109	5.782.600	16.495.545
2	II-Số KH TSCĐ tăng trong T12		795.470.000	24.866.194	17.748.000	2.125.194	4.993.000
	Máy tiện đứng iP532	120	120.000.000	1.000.000	1.000.000		
	Máy tính bàn	12	28.200.000	2.350.000	391.667	783.334	1.175.000

3	II-Số KH TSCĐ giảm trong T12	-	-	-	-	-	-
4	IV-Số KH trích T12		53.590.102.818	342.627.448	313.231.109	7.907.794	21.488.545

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.21. Trích Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU
Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
...
31/12	HĐGTGT 0000906	31/12	Chi tiếp khách bằng tiền mặt			6428	4.500.000	
	PC 61/12					133	450.000	
					111		4.950.000	
...
31/12	BPBKH t12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12 năm 2013			627	313.231.109	
						641	7.907.794	
						642	21.488.545	
						214		342.627.448
...
			Cộng phát sinh				240.281.360.618	240.281.360.618

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.22. Trích Sổ cái TK 642

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...
31/12	<i>HDGTGT</i> 0000906 <i>PC61/12</i>	31/12	<i>Chi tiếp khách</i> <i>bằng tiền mặt</i>	111	4.500.000	
31/12	<i>BPBKH</i> <i>t12</i>	31/12	<i>Trích khấu hao</i> <i>TSCĐ bộ phận</i> <i>bán hàng T12</i>	214	21.488.545	
...
31/12	PKT 46/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		566.772.398
			Cộng SPS		566.772.398	566.772.398
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu

Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu chủ yếu bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng và chiết khấu thanh toán được hưởng do thanh toán trước hạn cho nhà cung cấp.

Chi phí tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu chủ yếu là chi phí lãi vay và chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu báo có, Phiếu báo nợ (hoặc Giấy báo nợ, Giấy báo có – tùy thuộc từng ngân hàng mà công ty có tài khoản) của ngân hàng gửi đến.

- Phiếu thu, Phiếu chi.

- Và các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

- Tài khoản 515 - “Doanh thu hoạt động tài chính”

- Tài khoản 635 - “Chi phí tài chính”

- Và các tài khoản khác có liên quan.

❖ Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung

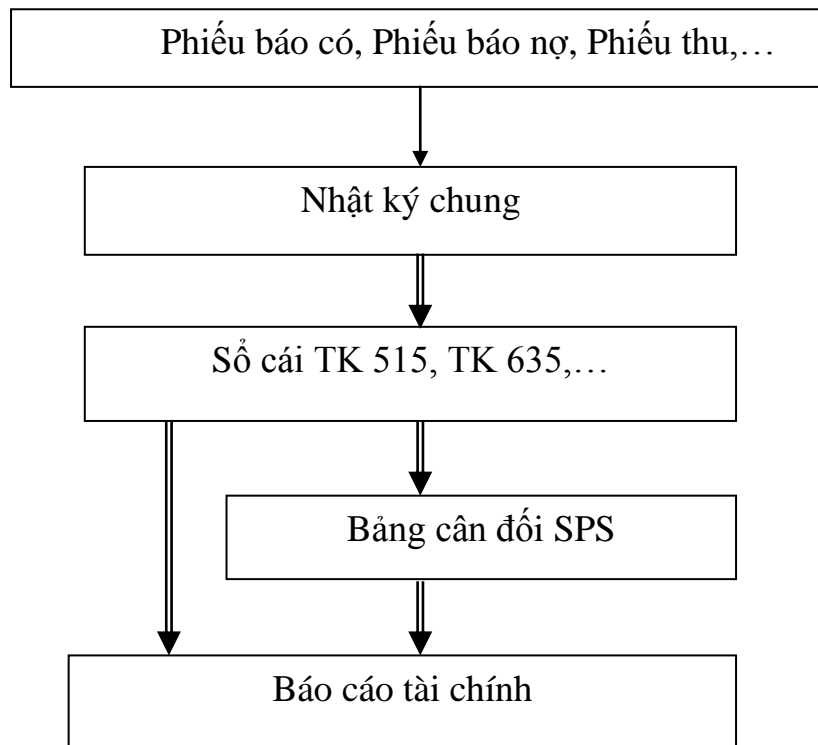
- Sổ cái TK 515, TK 635

- Và các sổ khác có liên quan.

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu được thể hiện qua sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 2.9. Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi định kỳ: \Longrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán gốc liên quan đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính như Phiếu báo Có, Phiếu báo nợ, Phiếu thu, Phiếu chi... kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK515, TK635,... Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời, căn cứ vào sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh để lập các Báo cáo tài chính.

❖ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 15/12/2013, Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu nhận được Giấy báo nợ của Ngân hàng Vietcombank thông báo thu tiền lãi vay, với số tiền là 7.115.086 đồng.

Kế toán căn cứ vào Giấy báo nợ số 124 (Biểu số 2.23) ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.25). Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 635 (Biểu số 2.26). Sau đó, tổng hợp số liệu các

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh

sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và được dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ2: Ngày 31/12/2013, Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu nhận lãi tiền gửi Ngân hàng Techcombank tháng 12/2013 với số tiền là 2.015.144 đồng. Kế toán căn cứ vào Phiếu báo có số 325 (Biểu số 2.24) ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.25). Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK515 (Biểu số 2.27). Sau đó, tổng hợp số liệu các sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và được dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.



Biểu số 2.23. Giấy báo nợ

Ngân hàng VIETCOMBANK

Mã GDV: NINHLLTDTNG

Chi nhánh: HP

Mã KH:

Số: 124

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Số Tài Khoản: 10309639012215

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung thu lãi tiền vay như sau:

Số tiền bằng số: **7.115.086 đồng**

Viết bằng chữ: **Bảy triệu một trăm mười năm nghìn không trăm tám mươi sáu đồng./**

Nội dung: Thu lãi tiền vay.

GIAO DỊCH VIÊN

(Ký, họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.24. Phiếu báo có

NGÂN HÀNG TMCP KỸ
THƯƠNG VIỆT NAM
Chi nhánh: HPG - TCB HP
MST: 0100230800-004



Theo công văn số
21208/CT/AC
Số: 325

PHIẾU BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Số tài khoản: 10910901785011

Địa chỉ: Tổ dân phố Bắc Hải, Phường Bàng La, Quận Đồ Sơn, TP.HP.

Mã số thuế: 0201044381 Loại tiền: VND

Số ID khách hàng : 10801574 Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số bút toán hạch toán: LD1227690530;11

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lãi tiền gửi Ngân hàng Techcombank T12/2013	2.015.144
Tổng số tiền	2.015.144

Số tiền bằng chữ: Hai triệu không trăm mười năm nghìn một trăm bốn mươi bốn VND./

Trích yếu : Lãi tiền gửi tại Ngân hàng tháng 12/2013.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.25. Trích Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU
Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
...
15/12	GBN 124	15/12	<i>Trả lãi tiền vay ngân hàng Vietcombank</i>			635	7.115.086	
						112		7.115.086
...
31/12	HĐGTGT 0000906 PC 61/12	31/12	Chi tiếp khách bằng tiền mặt			6428	4.500.000	
						133	450.000	
						111		4.950.000
31/12	PBC 325	31/12	<i>Nhận lãi tiền gửi ngân hàng Techcombank</i>			112	2.015.144	
						515		2.015.144
...
			Cộng phát sinh				240.281.360.618	240.281.360.618

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập bảng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.26. Trích Sổ cái TK 635

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tài khoản: 635 – Chi phí tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...
15/12	GBN 124	15/12	Trả lãi tiền vay của ngân hàng Vietcombank	112	7.115.086	
...
31/12	PKT 46/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		393.773.165
			Cộng SPS		393.773.165	393.773.165
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.27. Trích Sổ cái TK 515

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tài khoản: 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...
31/12	PBC 325	31/12	Nhận lãi tiền gửi của ngân hàng Techcombank	131		2.015.144
31/12	PKT 45/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	15.749.168	
			Cộng SPS		15.749.168	15.749.168
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

2.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu

Thu nhập khác là các khoản thu nhập không phải doanh thu của doanh nghiệp. Đây là các khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động khác ngoài kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong năm 2013, tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán; giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính; giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, thu nhập khác và chi phí khác (nếu có) sang Tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trên Phiếu kế toán, rồi xác định thuế TNDN phải nộp và kết chuyển lỗ, lãi sang TK 421. Sau đó, kế toán căn cứ vào các Phiếu kế toán đã lập để ghi sổ kế toán và lập các Báo cáo tài chính.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán
- Và các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

- Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh
- Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Và các tài khoản khác có liên quan.

❖ Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 911, TK 821, TK 421...
- Và các sổ khác có liên quan.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Ví dụ: Ngày 31/12/2013, tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu, kế toán tập hợp được số liệu như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 22.089.678.925
- Các khoản làm giảm trừ DT: 0
- Giá vốn hàng bán: 20.018.087.622
- Doanh thu hoạt động tài chính: 15.749.168
- Chi phí tài chính: 393.773.165
- Chi phí bán hàng: 398.102.350
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 566.772.398
- Thu nhập khác và Chi phí khác : 0

Kết quả từ hoạt động SXKD	=	DT bán hàng và ccdv	-	K.giảm trừ DT	-	GVHB	-	CPBH	-	CPQLDN
	=	22.089.678.925	-	0	-	20.018.087.622	-	398.102.350	-	566.772.398
	=	1.106.716.552								

Kết quả từ hoạt động tài chính = DT hoạt động tài chính - CP tài chính

$$= 15.749.168 - 393.773.165 = - 378.023.997$$

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác = 0

$$\Rightarrow \text{Tổng kết quả SXKD} = 1.106.716.552 + (- 378.023.997) + 0 = 728.692.560$$

❖ Thực hiện bút toán kết chuyển DT, CP sang TK 911, xác định KQKD:

- Kết chuyển doanh thu: Nợ TK 511: 22.089.678.925
Nợ TK 515: 15.749.168
Có TK 911: 22.105.428.093
- Kết chuyển giá vốn, chi phí: Nợ TK 911: 21.376.735.535
Có TK 632: 20.018.087.622
Có TK 635: 393.773.165
Có TK 641: 398.102.350
Có TK 642: 566.772.398
- Kết chuyển thuế TNDN: Nợ TK 821: 182.173.140
Có TK 3334: 182.173.140
Nợ TK 911: 182.173.140
Có TK 821: 182.173.140
- Kết chuyển lãi: Nợ TK 911: 546.519.420
Có TK 421: 546.519.420

Kế toán căn cứ vào Phiếu kế toán số 45/12 (Biểu số 2.28) và Phiếu kế toán số 46/12 (Biểu số 2.29) để ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.30). Từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 911 (Biểu số 2.31). Sau đó, tổng hợp số liệu từ các sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, và được dùng làm căn cứ để lập Bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Biểu số 2.32).

Biểu số 2.28. Phiếu kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Tháng 12 năm 2013

Nội dung: Ghi có TK 911

Số hiệu: 45/12

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Ghi có TK 911			
Kết chuyển doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	22.089.678.925
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	15.749.168
Cộng	x	x	22.105.428.093

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.29. Phiếu kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Tháng 12 năm 2013

Nội dung: Ghi nợ TK 911

Số hiệu: 46/12

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Ghi nợ TK 911			
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	20.018.087.622
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	398.102.350
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	566.772.398
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	393.773.165
Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	182.173.140
Kết chuyển lãi	911	421	546.519.420
Cộng	x	x	22.105.428.093

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.30. Trích Sổ cái TK 911

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số: S03b- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12	PKT45/12	31/12	Kết chuyển DTBH	511		22.089.678.925
31/12	PKT45/12	31/12	Kết chuyển DTTC	515		15.749.168
31/12	PKT46/12	31/12	Kết chuyển GVHB	632	20.018.087.622	
31/12	PKT46/12	31/12	Kết chuyển CPTC	635	393.773.165	
31/12	PKT46/12	31/12	Kết chuyển CPBH	641	398.102.350	
31/12	PKT46/12	31/12	Kết chuyển CPQLDN	642	566.772.398	
31/12	PKT46/12	31/12	Kết chuyển CP thuế TNDN	821	182.173.140	
31/12	PKT46/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	546.519.420	
			Cộng số phát sinh		22.105.428.093	22.105.428.093
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 31 năm 2013

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

(Nguồn tài liệu Phòng kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

Biểu số 2.62. Báo cáo KQHĐKD

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số: B02 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	22.089.678.925	20.005.141.921
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. DTT về BH và CCDV(10 = 01 – 02)	10		22.089.678.925	20.005.141.921
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	20.018.087.622	18.055.246.898
5. LN gộp về BH và CCDV(20=10-11)	20		2.071.591.300	1.949.895.030
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	15.749.168	30.317.881
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	393.773.165	302.173.160
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		393.773.165	302.173.160
8. Chi phí bán hàng	24		398.102.350	303.022.150
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		566.772.398	507.202.790
10. LNT từ HĐKD {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		728.692.560	867.814.811
11. Thu nhập khác	31		-	391.200.000
12. Chi phí khác	32		-	20.500.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	370.700.000
14. Tổng LN kế toán TT (50 = 30 + 40)	50		728.692.560	1.198.514.811
15. Chi phí thuê TNDN hiện hành	51	VI.30	546.519.420	299.628.703
16. Chi phí thuê TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-
17. LNST TNDN (60 = 50 - 51 -52)	60		546.519.420	898.886.108

Lập ngày 23 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Sông Dầu)

CHƯƠNG III: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

3.1. Đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu

Kế toán là một công cụ sắc bén và hiệu quả nhất để phản ánh một cách khách quan và giám đốc một cách toàn diện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp, nên đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất nói chung cũng như Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu nói riêng cần phải quan tâm đến việc nghiên cứu, hoàn thiện công tác hạch toán kế toán của đơn vị mình sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, tích lũy được của cải vật chất cho xã hội.

3.1.1. Ưu điểm

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu, vận dụng những lý luận thực tiễn vào công tác tổ chức bộ máy kế toán tại công ty, em thấy có những ưu điểm sau:

– Về bộ máy quản lý: Công ty có một bộ máy quản lý chặt chẽ từ cấp cao cho đến các bộ phận nhỏ nhất, đảm bảo được chức năng, nhiệm vụ và có sự phối hợp nhịp nhàng, tạo hiệu quả cao trong công việc của mỗi bộ phận. Đồng thời bộ máy kiểm soát của công ty cũng làm việc có hiệu quả cao, phát hiện được những sai sót trong hoạt động của công ty để báo cáo lên cấp trên và có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

– Về bộ máy kế toán: Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ, hợp lý, hiệu quả, trong đó quy định rõ cụ thể chức năng nhiệm vụ của từng nhân viên kế toán, đảm bảo sự kiểm tra đối chiếu lẫn nhau giữa các phần hành kế toán.

– Về chế độ kế toán áp dụng: Công ty luôn chấp hành đúng chính sách chế độ kế toán tài chính của Nhà nước, các chính sách tiền lương và các khoản trích theo lương. Công ty luôn nắm bắt kịp thời sự thay đổi các chuẩn mực kế toán mới đó là QĐ 15/2006 QĐ - BTC được ban hành ngày 20/03/2006 để ngày càng hoàn thiện công tác kế toán, đảm tính chính xác, cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản trị Doanh nghiệp.

– Về trình tự hạch toán và hệ thống sổ sách: Kế toán công ty đã áp dụng trình tự hạch toán theo đúng chuẩn mực kế toán đã ban hành của Bộ tài chính. Điều đó giúp cho công việc ghi sổ kế toán phù hợp, nhanh chóng chính xác. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chính xác, thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu. Quy trình mở nhập số liệu và lưu trữ sổ sách kế toán tương đối chặt chẽ và khoa học.

– Về hệ thống tài khoản: Hệ thống tài khoản điều chỉnh và chi tiết nên phù hợp và thuận tiện trong việc quản lý và cập nhập thông tin đối với một công ty lớn và công nghệ sản xuất phức tạp như Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu.

– Về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán về doanh thu, chi phí hạch toán kịp thời: các khoản doanh thu bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác... phát sinh trong kỳ đều được theo dõi đầy đủ trên các sổ kế toán. Với những khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vào những thời kỳ phát sinh nhiều không tương xứng với doanh thu trong kỳ thì Công ty đã kết chuyển vào TK142 “Chi phí trả trước ngắn hạn”. Việc làm này có ý nghĩa rất quan trọng nhằm đánh giá đúng kết quả kinh doanh, thêm vào đó việc hạch toán này đảm bảo nguyên tắc phù hợp của kế toán, tức là tất cả các chi phí được xác định để tính lỗ lãi phải phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ và phải được phân chia rõ ràng trong kỳ hạch toán.

Để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, Công ty đã áp dụng nhiều phương thức thanh toán nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng. Khách hàng có thể trả tiền ngay hoặc trả theo ký kết hợp đồng. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng phương thức trả chậm đối với những khách hàng thường xuyên, những khách hàng có độ tin cậy cao.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên, thì Công ty còn một vài hạn chế như:

– Về ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác kế toán

Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu là công ty sản xuất lớn nhưng hiện nay trong công tác kế toán vẫn chưa được áp dụng phần mềm kế toán máy. Ở công ty, máy vi tính chưa thực sự được phát huy hết vai trò của nó, chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ các nhân viên kế toán để quá trình vào sổ không phải vào sổ sách giấy tờ mà qua bàn phím, thực chất công việc

ở đây là hoàn toàn thủ công. Do đó khối lượng công việc nhiều, việc cung cấp báo cáo số liệu nhiều khi bị hạn chế và tốn nhiều thời gian hơn.

– Về chính sách chiết khấu thương mại

Hiện nay, Công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu thương mại. Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách hàng, thu hút nhiều khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của công ty.

– Đối với sổ sách kế toán

Hiện nay, số lượng nghiệp vụ bán hàng phát sinh trong một ngày, một tháng của công ty là rất lớn với nội dung kinh tế giống nhau nhưng công ty lại không mở sổ Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền. Điều này làm tăng khối lượng công việc cần phải làm của kế toán bán hàng.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu

3.2.1. Hiện đại hóa công tác kế toán tại công ty

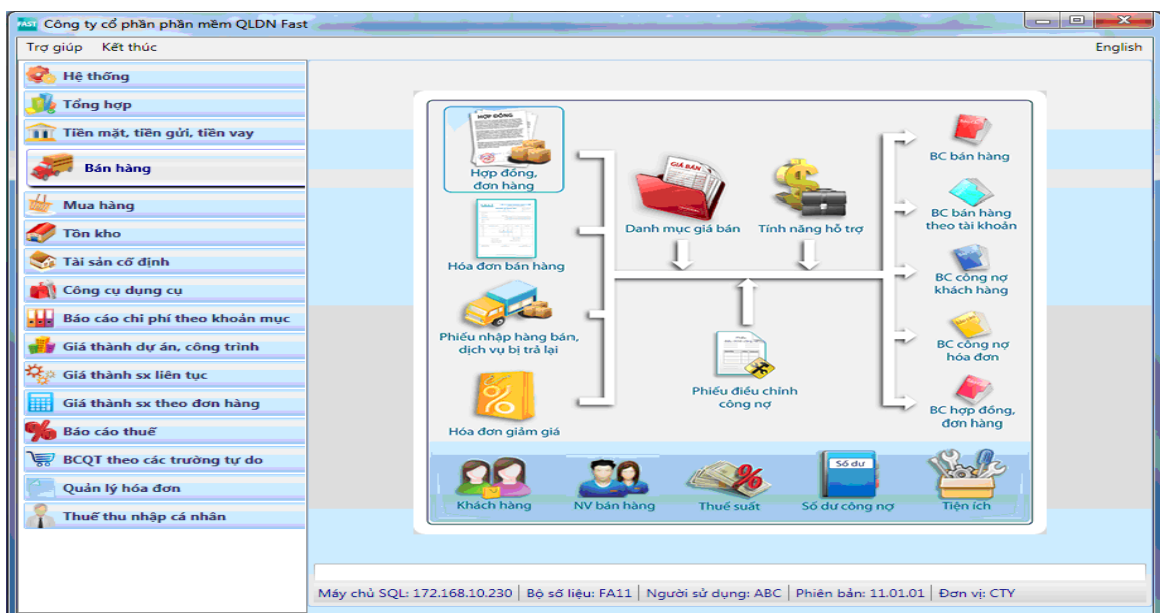
Khối lượng công việc kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu khá lớn, tuy nhiên công tác kế toán vẫn được thực hiện thủ công. Mặc dù phòng Kế toán – Tài chính được trang bị máy tính nhưng mới chỉ áp dụng Microsoft Excel. Công ty nên xem xét tới việc mua phần mềm kế toán hoặc có thể đặt hàng công ty chuyên nghiệp viết phần mềm kế toán phù hợp với tình hình công ty và cài đặt để sử dụng.

Hiện nay, trên thị trường có khá nhiều phần mềm đang được sử dụng hoặc mới được đưa ra thị trường, như phần mềm kế toán MISA, FAST ACCOUNTING 2011, EFFECT,...

Màn hình phần mềm kế toán MISA



Màn hình phần mềm kế toán FAST 2011



Khi ứng dụng máy vi tính vào công tác kế toán trong Công ty theo hình thức sổ Nhật ký chung mà công ty đã lựa chọn, thì trình tự hạch toán được khái quát như sau:

+ Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc, nhân viên kế toán tiến hành phân loại, kiểm tra và mã hoá các thông tin kế toán bao gồm: mã hoá chứng từ, mã hoá tài khoản và mã hoá các đối tượng kế toán. Các chứng từ đã được mã hoá sẽ được nhập vào cơ sở dữ liệu theo phần mềm sử dụng tại doanh nghiệp.

+ Khi cơ sở dữ liệu đã có đầy đủ thông tin, máy tính có thể tự động truy xuất số liệu theo chương trình phần mềm kế toán cài đặt để vào sổ Nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết theo từng đối tượng đã được mã hoá và số liệu trên các báo cáo đến thời điểm nhập dữ liệu.

+ Cuối quý, kế toán tiến hành lập bảng cân đối thử và các bút toán phân bổ, kết chuyển, điều chỉnh, khoá sổ kế toán. Sau đó in bảng biểu, sổ kế toán tổng hợp, chi tiết và các báo cáo cần thiết.

3.2.2. Áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại tại công ty

Trong cơ chế thị trường hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng một ngành nghề, lĩnh vực vì vậy việc các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Việc công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) trong bán hàng sẽ phần nào làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, góp phần làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Vì vậy để có thể thu hút được những khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) phù hợp với tình hình tại công ty.

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Chiết khấu thương mại do công ty xây dựng phải dựa trên:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại

Để hạch toán kế toán chiết khấu thương mại, công ty sử dụng TK521 - *Chiết khấu thương mại*.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng.

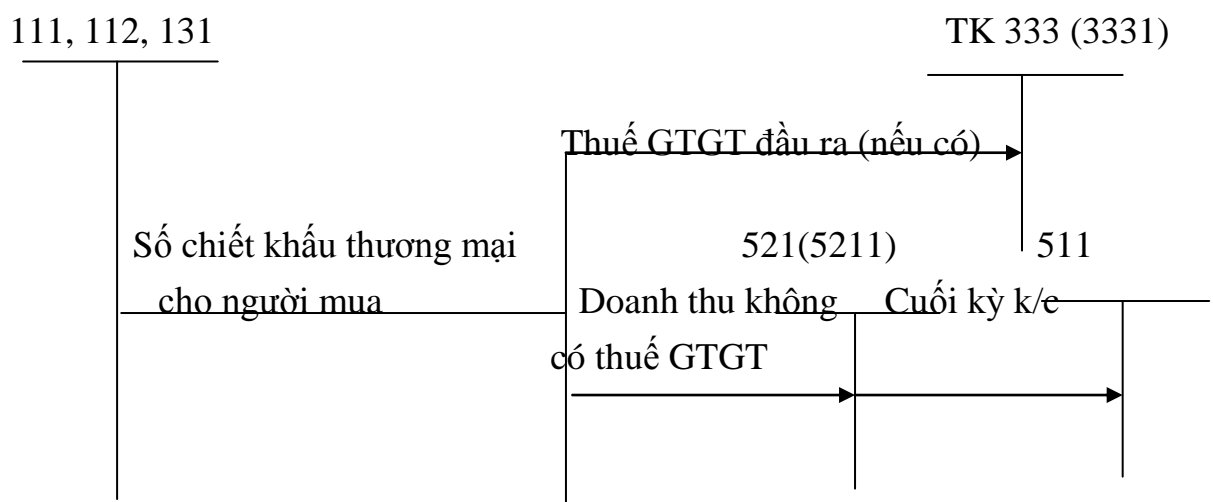
- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 521.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK521.

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hóa này, không những công ty có thể giữ được những khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Phương pháp hạch toán kế toán chiết khấu thương mại như sau:

Sơ đồ 3.1. Sơ đồ hạch toán kế toán chiết khấu thương mại



3.2.3. Về việc lập Nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền

Vì là một công ty sản xuất thương mại nên hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền mặt tại công ty tương đối lớn, hoạt động nhập xuất hàng hóa cũng diễn ra thường xuyên, việc công ty không sử dụng các sổ Nhật ký đặc biệt sẽ làm cho doanh nghiệp khó có thể theo dõi lượng tiền và hàng hóa vào, ra trong ngày cũng như nguồn vốn, tài sản của công ty.

Vì vậy công ty nên mở các sổ Nhật ký đặc biệt như sổ Nhật ký thu tiền và Nhật ký chi tiền, Nhật ký mua hàng, Nhật ký bán hàng. Công ty đặc biệt chú trọng việc mở Sổ Nhật ký bán hàng, nhật ký thu tiền để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng. Cuối tháng, căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký đặc biệt để vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.

❖ Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 08/12/2013, Công ty xuất kho bán tôn lạnh màu Vifa Caluzinc cho Công ty TNHH Minh Kha, trị giá tiền hàng là 17.762.000 đồng, (VAT 10%), thanh toán bằng tiền mặt.

Ví dụ 2: Ngày 11/12/2013, Công ty xuất kho bán tôn mạ kẽm màu Vifazincolor cho Công ty TNHH Trường Thành, trị giá tiền hàng là 18.270.000 đồng, (VAT 10%), thanh toán bằng tiền mặt.

Ví dụ 3: Ngày 21/12/2013, Công ty xuất kho bán tôn lạnh màu Vifa Caluzinc cho Công ty TNHH MTV xây lắp Sông Hồng, trị giá tiền hàng là 388.750.320 đồng, (VAT 10%), chưa thanh toán.

Ví dụ 4: Ngày 22/12/2013, Công ty xuất kho bán tôn mạ kẽm màu Vifazincolor cho Công ty TNHH MTV xây lắp Sông Hồng, trị giá tiền hàng là 376.310.000 (chưa có thuế GTGT 10%), chưa thanh toán.

Công ty có thể mở Sổ nhật ký bán hàng, Nhật ký thu tiền theo mẫu sau:

Biểu số 3.1. Sổ nhật ký bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DÀU
Bắc Hải - Bằng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số S03a4 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG
Năm 2013

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua	Ghi có tài khoản Doanh thu		
	SH	NT			Hàng hóa	Thành phẩm	Dịch vụ
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số trang trước chuyển sang				
...	
21/12	0000220	21/12	Bán tôn lạnh màu Vifa Caluzinc cho Công ty TNHH xây lắp Sông Hồng	388.750.320		388.750.320	
22/12	0000221	22/12	Bán tôn mạ kẽm màu Vifazincolor cho Công ty xây lắp Sông Hồng	376.310.000		376.310.000	
...	
			Cộng chuyển sang trang sau	1.325.425.412		1.325.425.412	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.2. Sổ nhật ký thu tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SÔNG DẦU

Bắc Hải - Bàng La – Đồ Sơn - Hải Phòng

Mẫu số S03a1 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Năm 2013

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 111	Ghi có các TK			
	SH	NT			TK 511	TK 3331	Tài khoản khác	
							Số tiền	Số hiệu
A	B	C	D	1	2	3	4	E
			Số trang trước chuyển sang					
...		
08/12	PT 14/12	08/12	Bán tôn lạnh màu Vifa Caluzinc cho Công ty TNHH Minh Kha	19.538.200	17.762.000	1.776.200		
...		
11/12	PT 17/12	11/12	Bán tôn mạ kẽm màu zincolor cho Công ty Trường Thành	20.097.700	18.270.000	1.827.000		
...		
			Cộng chuyển sang trang sau	1.968.720.114	1.789.745.558	178.974.554		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại được phải có sự phát triển không ngừng trong sản xuất kinh doanh, cũng như chặt chẽ, nghiêm túc trong công tác quản lý và luôn nâng cao nghiệp vụ, mở rộng quan hệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để theo dõi hiệu quả của các kỳ sản xuất kinh doanh, tất cả các doanh nghiệp dù quy mô lớn hay nhỏ đều phải tổ chức công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Điều quan trọng là mỗi công ty tổ chức hạch toán kế toán như thế nào để việc cung cấp thông tin cho các nhà quản lý được tốt nhất và phục vụ đắc lực cho việc ra quyết định kinh doanh một cách kịp thời, chính xác. Có thể nói việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng và việc hạch toán kế toán nói chung tại công ty cũng tương đối khoa học và hợp lý, song cũng không thể tránh khỏi những hạn chế. Trên đây là một số phân tích, đánh giá và giải pháp chủ quan mà em đã mạnh dạn đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu, với mong muốn công ty sẽ ngày càng phát triển vững mạnh hơn, khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Do kiến thức có hạn và lần đầu tiên tiếp cận với thực tế nên không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo đóng góp ý kiến của thầy cô, cùng các cán bộ phòng kế toán tại Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu và sự góp ý của các bạn sinh viên.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty cổ phần thương mại Sông Dầu đã giúp đỡ em rất nhiệt tình để hoàn thành bài khóa luận. Đặc biệt em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến thầy giáo thạc sĩ, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình hướng dẫn em để em có thể hoàn thành bài khóa luận.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014